

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2012

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM
Tên tiếng Anh : VIETNAM FUMIGATION JOINT STOCK COMPANY
Tên giao dịch : VIETNAM FUMIGATION COMPANY
Tên viết tắt : VFC
Logo :



Giấy CNĐKKD : Số 0302327629 do Sở Kế hoạch đầu tư TP. Hồ Chí Minh
cấp ngày 31 tháng 12 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 17
ngày 04 tháng 07 năm 2012

Vốn điều lệ : 129.727.530.000 đồng (Một trăm hai mươi chín tỷ bảy
trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng)

Trụ sở chính : 29 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q.1, Tp. HCM

Điện thoại : (84-8) 3822 8097

Fax : (84-8) 3822 8097

Website : www.vfc.com.vn

Mã cổ phiếu : VFG

MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG	4
1.	VFC chặng đường phát triển	4
2.	Các thành tích đạt được	5
3.	Thông điệp	6
4.	Ngành nghề kinh doanh	7
5.	VFC qua những số liệu cụ thể	10
6.	Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	11
6.1.	Mô hình quản trị	11
6.2.	Cơ cấu bộ máy quản lý	11
6.3.	Các công ty có liên quan và công ty con	12
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	12
1.	Tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh	12
1.1.	Những thay đổi chính trong năm	12
1.2.	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 so với kế hoạch	13
2.	Tổ chức và nhân sự	13
2.1.	Thay đổi BĐH trong năm	13
2.2.	Nguồn nhân lực	13
2.3.	Chính sách đối với người lao động	14
3.	Tình hình đầu tư thực hiện các dự án	16
3.1.	Đầu tư vào các công ty có liên quan và công ty con	16
3.2.	Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty do VFC sở hữu 100% vốn	17
4.	Tình hình tài chính	17
5.	Vốn cổ phần & Cơ cấu cổ đông	17
5.1.	Cổ phần đang lưu hành	17
5.2.	Thay đổi sở hữu của CĐ nội bộ và CĐ lớn trong năm	18
5.3.	Hoạt động quan hệ cổ đông (IR)	18
5.4.	Kế hoạch IR năm 2013	19
6.	Hoạt động cộng đồng	19
6.1.	Kiểm soát dịch hại vì cộng đồng	19
6.2.	Các hoạt động tài trợ, khoa giáo, hỗ trợ nông dân	19
6.3.	Trao học bổng cho sinh viên	19
6.4.	Hỗ trợ đồng bào gặp khó khăn	20
III.	BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	21
1.	Đánh giá môi trường hoạt động	21
2.	Tình hình chung của VFC	21
2.1.	Thuận lợi	21
2.2.	Khó khăn	21
3.	Kết quả đạt được	21
4.	Tình hình tài chính	22
4.1.	Tình hình tài sản	22
4.2.	Tình hình nợ phải trả	22
5.	Những tồn tại & cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	22
6.	Kế hoạch phát triển cho từng ngành trong năm 2013	24
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY	24
1.	Về hiệu quả hoạt động của công ty và Ban Điều hành	24
2.	Các kế hoạch và định hướng	25
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	26
1.	Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	26

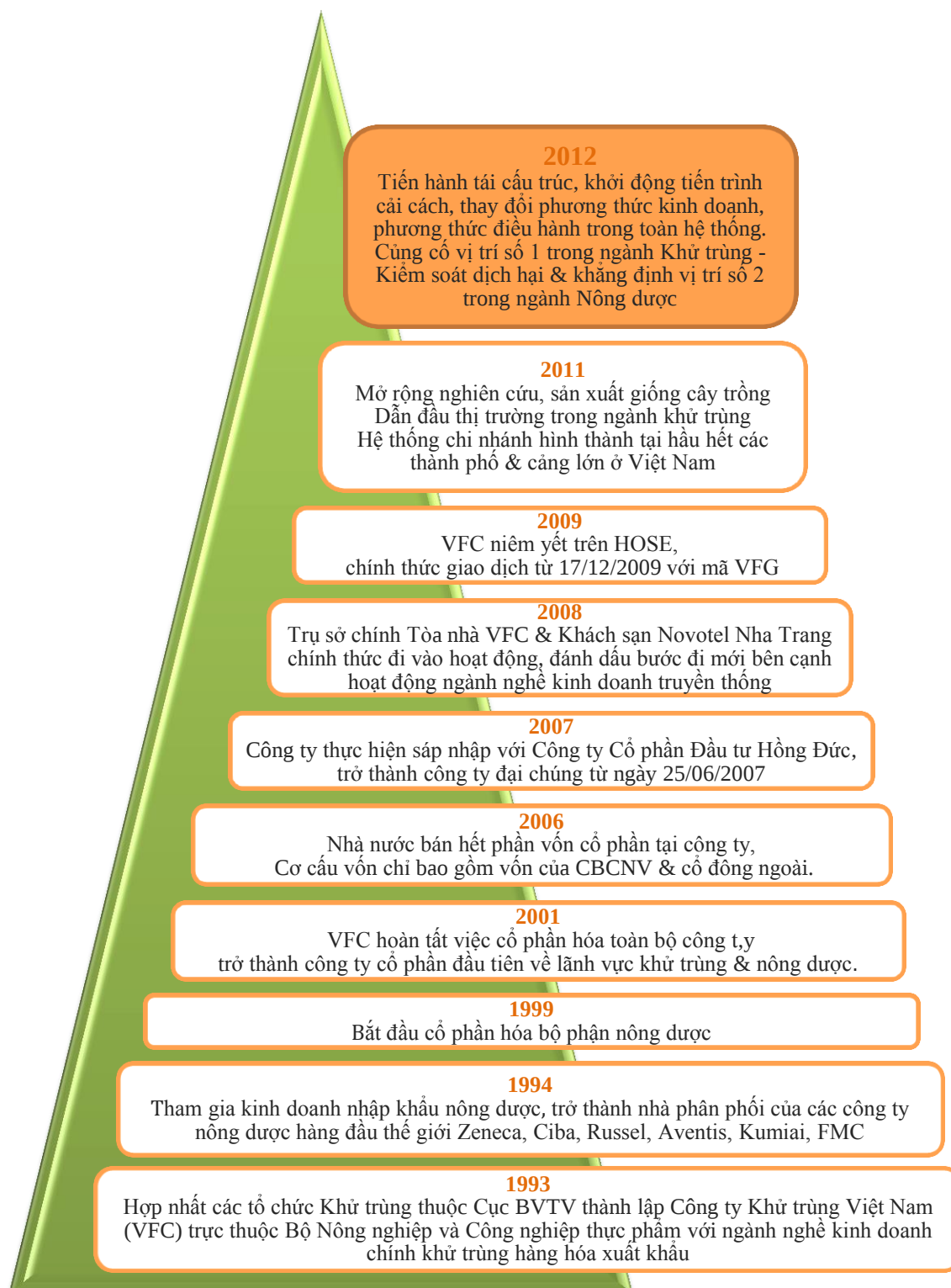
2.	Hoạt động của HĐQT	28
2.1.	Vai trò của HĐQT.....	28
2.2.	Hoạt động của HĐQT.....	28
3.	Hoạt động của BKS.....	30
3.1.	Vai trò của BKS.....	30
3.2.	Kết quả thực hiện việc kiểm tra, giám sát	30
4.	Quản trị rủi ro	33
5.	Thù lao HĐQT và BKS.....	34
6.	Kế hoạch tăng cường hiệu quả quản trị.....	34
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	34
1.	Ý kiến kiểm toán.....	34
2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	35

Danh mục viết tắt

VFC	: Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam
VNĐ	: Việt Nam đồng
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HDQT	: Hội đồng quản trị
BKS	: Ban kiểm soát
BTGD	: Ban Tổng giám đốc
BĐH	: Ban điều hành
TGD	: Tổng giám đốc
FV	: Tư vấn Focal Views
KQ	: Kết quả
SX KD	: Sản xuất kinh doanh
KH	: Kế hoạch
TH	: Thực hiện
MKT	: Marketing
BHYT	: Bảo hiểm y tế
BHXH	: Bảo hiểm xã hội
BHTN	: Bảo hiểm thất nghiệp
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
BVTV	: Bảo vệ thực vật
KCN	: Khu công nghiệp
IMFO	: Hiệp hội khử trùng quốc tế
AFAS	: Tổ chức cấp giấy chứng nhận chất lượng khử trùng của Úc
TTTM	: Trung tâm thương mại
PCO	: Kiểm soát dịch hại
BVTV	: Bảo vệ thực vật
VFG	: Mã chứng khoán của VFC
VĐL	: Vốn điều lệ
HOSE	: Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM
CĐ	: Cổ đông
CP	: Cổ phần
CPQ	: Cổ phiếu quỹ
SH	: Sở hữu
GD	: Giao dịch
TNHH MTV	: Trách nhiệm hữu hạn một thành viên

I. THÔNG TIN CHUNG

1. VFC chặng đường phát triển



2. Các thành tích đạt được

1991

Huân Chương Lao Động
Hạng 3

1995

Huân Chương Lao
Động Hạng 2

2000-2005

- Huân Chương Lao Động Hạng 3
 - Bằng khen & cờ thi đua
 - Phong trào thi đua lao động giỏi
- Xây dựng tổ chức Công Đoàn vững mạnh;
- Phong trào xanh, sạch, đẹp; bảo đảm an toàn vệ sinh lao động.
- “Đảng Bộ cơ sở trong sạch, vững mạnh tiêu biểu” trong 05 năm liên.

2011

Top 500 công ty tư nhân lớn nhất và đóng thuế thu nhập doanh nghiệp nhiều nhất

3. Thông điệp

**“Chúng tôi cam kết chất lượng
và tinh thần trách nhiệm cao nhất”**

Sứ mạng

*Phát triển nền nông nghiệp và cải thiện môi trường sống tại Việt Nam;
Mang đến cho khách hàng sản phẩm - dịch vụ với chất lượng cao nhất.*

Tầm nhìn

*VFC sẽ trở thành 1 trong 3 công ty dẫn đầu trong lĩnh vực Kinh Doanh
Nông Dược;
Tiếp tục khẳng định vị trí số một trong lĩnh vực Khử trùng và Kiểm soát
Dịch hại tại Việt Nam.*

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT



Bà Nguyễn Bạch Tuyết

Sau hơn 37 năm hoạt động, Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (**VFC**) trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu trên thị trường Việt Nam, chúng tôi cam kết đem đến những sản phẩm dịch vụ chất lượng, tiếp tục củng cố vị trí số 1 trong hoạt động cung cấp dịch vụ Khử trùng - Kiểm soát dịch hại và khẳng định vị trí thứ 2 trong lĩnh vực kinh doanh Nông dược trên cả nước.

Đây là động lực để VFC góp phần hoàn thành sứ mệnh **"phát triển nền nông nghiệp và cải thiện môi trường sống tại Việt Nam"**.

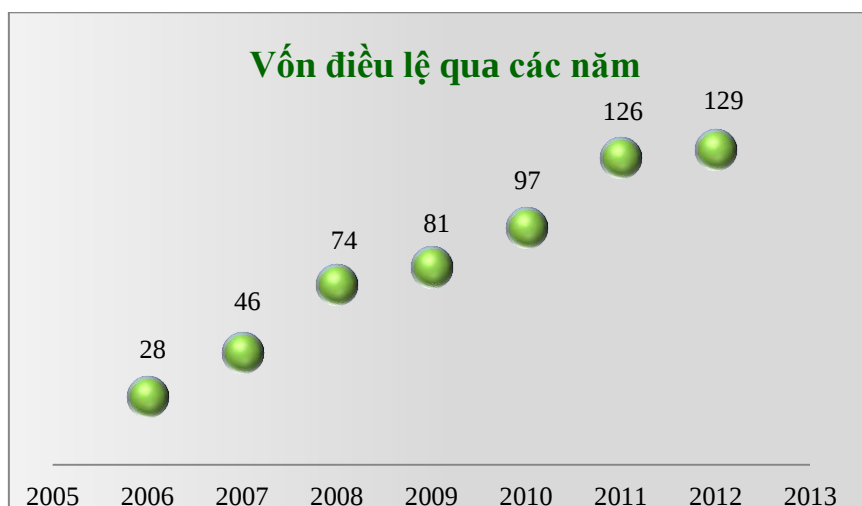
4. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh	Đặc điểm	SP/DV tiêu biểu
Nông dược 	- Top 5 công ty hàng đầu về kinh doanh thuốc BVTV - Phân phối các loại thuốc nông dược chất lượng cao từ các công ty sản xuất thuốc bảo vệ thực vật hàng đầu thế giới: Syngenta (Thụy Sĩ), Kumiai (Nhật), Makhteshim (Israel), FMC (Mỹ)...      - Hình thành mạng lưới phân phối thuốc bảo vệ thực vật trải đều trên khắp cả nước với 16 chi nhánh và hơn 450 đại lý cấp 1 trên toàn quốc. - Sở hữu nhà máy đóng gói và gia công ở KCN Lê Minh Xuân và kho trữ hàng tại Hóc Môn.	- Thuốc trừ bệnh: Anvil, Champ DP, Ridomil, Vista...  - Thuốc trừ cỏ: Nominee, Ametrex, Dual Gold...  - Thuốc trừ sâu: Marshal, Nissorun, Karate, Proclaim, Suprathion,... 
Giống cây trồng 	- Độc quyền cung cấp các loại bắp của Syngenta. Cung cấp các loại giống của Syngenta: - Bắp: NK 66, NK 6326 - Bắp chuyển gen (trong giai đoạn tiếp theo) - Dưa hấu Ánh Dương, Cà Chua, Rau,...	 

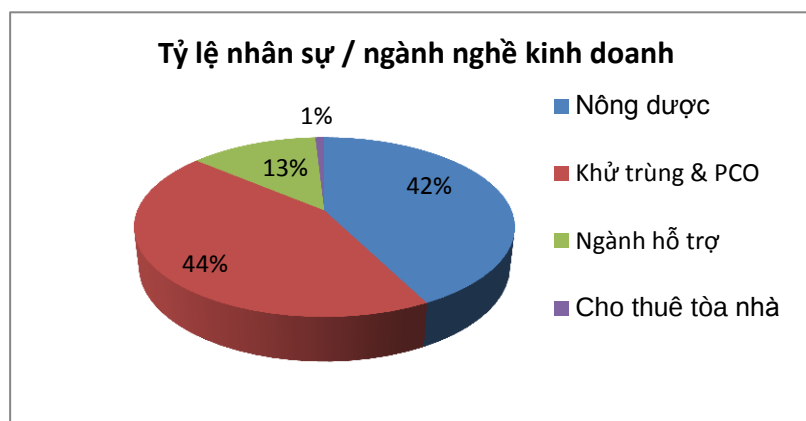
Khử trùng 	- Là công ty khử trùng đầu tiên ở Việt Nam, với thế mạnh về chất lượng và hơn 30 năm kinh nghiệm hoạt động, VFC luôn giữ được uy tín trên thị trường, xứng đáng vị trí số 1 trong ngành - Là đơn vị đầu tiên và duy nhất tại VN áp dụng các phương pháp và dụng cụ công nghệ khử trùng tiên tiến nhất trên thế giới 	- Nông sản: gạo, cà phê, tiêu, bắp, hạt điều nhân, đậu các loại, sắn/mì lát, bột mì, lúa mì, cám... dạng đóng bao hay hàng xá trong container, lô hàng trong kho hay trong hầm tàu. - Pallet gỗ, bao bì, thùng carton chứa hàng chuyên chở hàng gốm sứ, máy móc thiết bị, phụ tùng. - Khử trùng container rỗng, container cho các loại hàng mây tre lá, thủ công mỹ nghệ, cầu kiện gỗ. - Khử trùng nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, thành phẩm hay các dây chuyền chế biến...
PestMan 	- Với khẩu hiệu “Chuyên gia diệt côn trùng”, VFC luôn đưa ra những giải pháp kiểm soát côn trùng hợp lý, hiệu quả và an toàn nhất cho khách hàng - Là thành viên chính thức của tổ chức kiểm soát dịch hại đa quốc gia NPMA có trụ sở tại Hoa Kỳ  	- Kiểm soát môi nhà ở - Kiểm soát môi công trình - Kiểm soát và tiêu diệt chuột - Kiểm soát côn trùng gây hại

Bất động sản	- Tòa nhà VFC nằm ở vị trí trung tâm thành phố (ngã ba Nguyễn Trung Ngạn – Tôn Đức Thắng) với 1 trệt, 1 lửng, 3 hầm, 9 tầng. Diện tích sử dụng 2.500 m². Trong đó, tầng 9,10 được dùng làm văn phòng VFC, các tầng còn lại cho thuê. Với công suất cho thuê đạt 95%. - Khách sạn Novotel Nha Trang (*) nằm trên đường Trần Phú, hướng ra vịnh Nha Trang và biển. Là một khách sạn tiêu chuẩn 4 sao với 154 phòng được trang thiết bị thanh lịch, hiện đại, sự lựa chọn hàng đầu của du khách khi đến Nha Trang du lịch, nghỉ dưỡng. <i>(*) do tranh chấp với đối tác liên doanh Cty TNHH Hải Yến (KS Novotel Nha trang) từ năm 2008 nên doanh thu của khách sạn vẫn chưa được đưa vào doanh thu của VFC</i>	 
----------------------------	--	--

5. VFC qua những số liệu cụ thể:

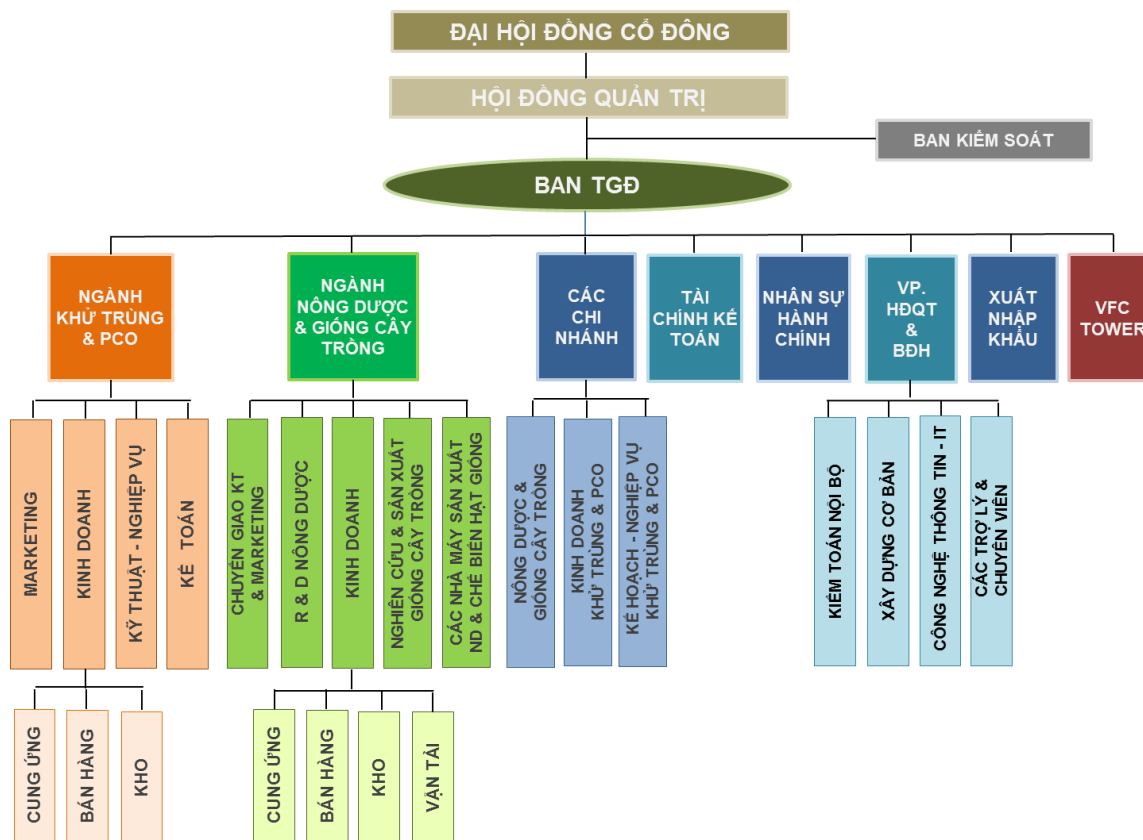


- Vốn điều lệ của VFC đã tăng hơn 4,5 lần từ 28,6 tỷ đồng lên 129,7 tỷ đồng chỉ trong 5 năm thông qua các đợt phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược và cổ phiếu thưởng cho nhân viên.
- Trong quá trình hoạt động, vốn chủ sở hữu luôn chiếm trên 50% trên tổng tài sản, sẵn sàng đáp ứng cho hoạt động đầu tư mở rộng trong khi vốn vay nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của DN.
- Tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trung bình tăng 14% so với năm 2011.
- Trong đó kinh doanh nông dược giống cây trồng chiếm hơn 82% tỷ trọng, tiếp đến là khử trùng 14%, 4% còn lại được đóng góp từ DV kiểm soát dịch hại và cho thuê văn phòng.
- Giá trung bình cổ phiếu VFC ở mức 60.000 đồng từ khi bắt đầu giao dịch trên HSX (12/2009). Từ đầu tháng 6/2011, giá cổ phiếu VFC giao động ở mức 35.000-40.000 đồng sau khi công ty phát hành thêm 2,9 triệu cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.
- Xét trong bối cảnh chung của thị trường chứng khoán, VFC là một mã căn bản tốt. Hằng năm, công ty thực hiện chi trả cổ tức ổn định, cao hơn lãi suất ngân hàng. Cụ thể chia cổ tức 25% bằng tiền mặt trong năm 2012.
- Từ năm 2011-2012, công ty phát triển thêm 5 chi nhánh mới ở Nghệ An, Sơn La, Đồng Tháp, Đồng Nai, Sóc Trăng; đội ngũ nhân viên VFC cũng vượt qua con số 1.000. Số lượng chi nhánh và lực lượng nhân sự tăng nhanh cùng với con số doanh thu, lợi nhuận ấn tượng trong những năm gần đây phần nào khẳng định quy mô phát triển, thương hiệu vững mạnh và vị trí hàng đầu của VFC so với các công ty trong cùng lĩnh vực.



6. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

6.1. Mô hình quản trị:



6.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

VFC có trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh với mạng lưới chi nhánh phủ rộng khắp Việt Nam hiện bao gồm: 1 nhà máy sản xuất, 2 văn phòng đại diện, 16 chi nhánh ở VN & 1 ở Campuchia.

Hệ thống chi nhánh:

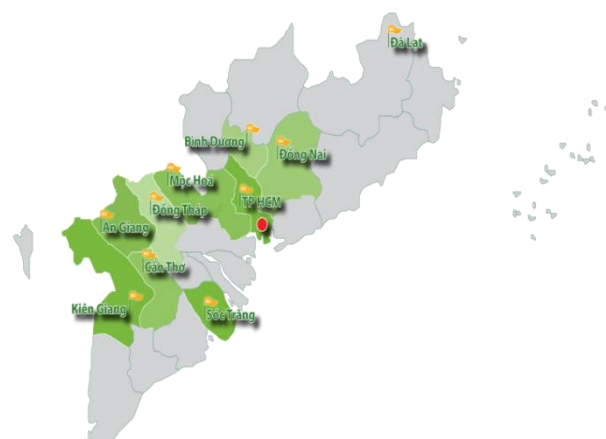
Miền Bắc



Miền Trung



Miền Nam



6.3. Các công ty có liên quan và công ty con

Stt	Bên có liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ BQ	Vốn đầu tư
1	Công ty TNHH Hải Yến	Công ty liên doanh	(*)	179.514.814.098
2	Công ty CP TM Nông Nghiệp Sông Mê Kông	Công ty liên kết	40%	13.790.000.000
3	Cty TNHH MTV Trọng Tín Long An	Công ty con	100%	

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**1. Tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh****1.1. Những công tác chính trong năm:**

- Đã hoàn thành được các chỉ tiêu cơ bản do Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội đồng quản trị đề ra theo chỉ tiêu kế hoạch 2012.
- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty đều được duy trì hoạt động ổn định đúng theo định hướng phát triển.
- Đảm bảo tình hình tài chính của Công ty lành mạnh; có đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Khởi động tiến trình cải cách, tái cấu trúc, thay đổi phương thức kinh doanh, phương thức điều hành trong toàn hệ thống.
- Mở rộng thị trường kinh doanh thuốc BVTV sang thị trường Campuchia qua việc thành lập Chi nhánh VFC-Cambo và chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh của ngành Khử trùng & PestMan.
- Công bố hình ảnh và thương hiệu mới của Bộ phận Kiểm soát côn trùng VFC với tên gọi PESTMAN chính thức kể từ ngày 01/06/2012.
- Góp phần cùng xã hội, duy trì được việc làm và thu nhập ổn định cho hơn 1000 lao động, đồng thời hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 so với kế hoạch

NGÀNH	NÔNG DƯỢC	GIỐNG	KHỬ TRÙNG	PCO	THUÊ VP
Doanh thu kế hoạch (tỷ đồng)	1,228	143	169	59	12
Doanh thu thực hiện (tỷ đồng)	1,134	125	208	52	11.7
% so với kế hoạch	92	87	123	88	97

- Năm 2012, lãi suất vẫn còn ở mức cao, tình hình tài chính tiếp tục khó khăn, định mức cho vay hạn chế cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty trong cùng lĩnh vực là những khó khăn và thách thức trong năm đối với các doanh nghiệp trong đó có VFC.

2. Tổ chức và nhân sự:**2.1. Thành phần Ban điều hành không có gì thay đổi.****2.2. Nguồn nhân lực:**

- Từ những ngày đầu còn là các đội khử trùng với chưa đầy 100 CBCNV nay đã lên hơn 1.000 người (hết năm 2012).
- Một số phòng ban mới ra đời như Phòng Marketing và chuyển giao kỹ thuật, Phòng nghiên cứu và phát triển, chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh...
- Do đặc tính ngành nghề hoạt động kinh doanh, số lao động nữ của công ty chỉ chiếm 20%, tỷ lệ này cao hơn ở nhóm văn phòng. Độ tuổi lao động bình quân 30-40 do phần lớn lao động đều có thâm niên công tác lâu năm ở Công ty. Đội ngũ kỹ thuật viên, kỹ sư chiếm số lượng chủ yếu, trình độ ngày càng được nâng cao.

Nội dung	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2010
Số lượng lao động (người)	1.093	985	766
Trên đại học	9	8	4
Đại học	329	245	200
Cao đẳng	95	88	79
Trung cấp	125	334	233
Phổ thông trung học	535	310	238
Thu nhập bình quân/người (đồng)	6.700.000	6.700.000	6.300.000

2.3. Chính sách đối với người lao động

- Với phương châm “*Nhân viên là tài sản và là người bạn đồng hành trên con đường thành công và phát triển của Doanh nghiệp*”, VFC luôn quan tâm đến sự phát triển nguồn nhân lực đặc biệt là những nhân viên xuất sắc, có năng lực và nhiệt huyết đóng góp để phấn đấu cho mục tiêu chiến lược là doanh nghiệp đứng thứ hai một cách bền vững trong lĩnh vực nông dược và tiếp tục khẳng định vị trí số một trong lĩnh vực khử trùng, kiểm soát dịch hại.
- *Chế độ làm việc*: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày từ thứ 2 đến thứ bảy hàng tuần. Nếu Công ty có yêu cầu người lao động làm thêm giờ thì người lao động sẽ được bố trí nghỉ bù hoặc thanh toán tiền công làm thêm giờ theo quy định.
- *Nghỉ phép, lễ, Tết*: Nhân viên được nghỉ lễ và tết theo quy định của Bộ luật lao động và được hưởng nguyên lương. Những nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm. Người lao động có thể nghỉ phép 01 lần trong năm hoặc trải đều các tháng trong năm. Thời gian nghỉ phép năm được kéo dài đến hết quý 01 năm sau.
- *Nghỉ ốm, thai sản*: Công ty thực hiện đúng các quy định về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các quy định hiện hành khác của Nhà nước về nghỉ ốm. Thời gian nghỉ thai sản là 04 tháng theo quy định và được hưởng trợ cấp Bảo hiểm xã hội thay lương. Công ty vẫn thực hiện chi trả lương cho người lao động khi người lao động nghỉ làm việc trong thời gian bị ốm đau, thai sản (nằm ngoài chế độ bảo hiểm do nhà nước chi trả).

- *Điều kiện làm việc:* Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt. Công ty cam kết xây dựng cho tất cả CBCNV môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để CBCNV phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.
- *Chế độ lương và các khoản phụ cấp :*
 - *Đối tượng:* áp dụng cho tất cả bao gồm Ban Điều hành và nhân viên VFC
 - *Tiền lương:* bao gồm lương chức danh và các khoản phụ cấp và lương làm thêm giờ.
 - *Lương chức danh:* xác định theo vị trí công việc
 - *Phụ cấp:* bao gồm các khoản phụ cấp sau: Cơm trưa, xăng xe, điện thoại di động, độc hại, thuê nhà, giao tế, tiền vé qua phà, cầu đường (nhân viên thị trường), thâm niên.
- *Chế độ thưởng:* Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp vào kết quả chung, Công ty có chính sách động viên, khen thưởng thiết thực, đảm bảo phúc lợi. Ngoài tiền lương, CBCNV trong Công ty còn được khen thưởng tùy theo kết quả đánh giá hiệu quả công việc. Từ năm 2011, công ty xây dựng chương trình cổ phiếu thưởng cho CBCNV giỏi và có công lao đóng góp cho VFC. Chính sách này đã tạo động lực tốt để nhân viên phấn đấu hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao .
- *Chính sách phúc lợi:*
 - *BHXX & BHYT:* Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho tất cả CBCNV theo quy định của Nhà Nước.
 - *Khám sức khỏe hàng năm:* Duy trì tổ chức khám sức khỏe định kỳ một năm, một lần cho cán bộ quản lý và công nhân.
 - *Quà sinh nhật:* áp dụng cho toàn thể CBNV Công ty
 - *Du lịch, nghỉ mát hàng năm:* tổ chức hàng năm theo bộ phận
 - *Nhân viên Công ty khi gặp khó khăn đột xuất, ma chay, hiếu hỉ hay đau ốm... đều được Công đoàn quan tâm thăm hỏi và giúp đỡ.*
- *Tổ chức công đoàn:* Công đoàn công ty hoạt động khá hiệu quả, tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và vật chất. Công đoàn tổ chức động viên khen thưởng các cháu là con của CBNV trong Công ty có thành tích học tập tốt. Ngoài ra, hàng năm, Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho CBNV tham quan nghỉ mát theo quy định của thỏa ước lao động.
- *Lập quỹ hỗ trợ người lao động:* tạo điều kiện cho người lao động trong những lúc khó khăn, đột xuất có điều kiện được vay ưu đãi không phải trả lãi suất.
- *Chính sách tuyển dụng:*
 - *Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Công ty có hệ thống quy chế về tuyển dụng đào tạo rõ ràng. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn riêng.*

Ngoài lực lượng sẵn có tại đơn vị, Công ty cũng chú trọng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao để tăng cường đội ngũ, đáp ứng kịp thời đòi hỏi của quá trình cạnh tranh và phát triển.

- *Chính sách thu hút nhân tài:* Công ty có chính sách lương, thưởng xứng đáng với cống hiến chất xám, đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.
- *Chính sách đào tạo:* Công ty coi con người là tài sản quý giá nhất của doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này, Công ty kết hợp chặt chẽ vấn đề đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ và tạo cơ hội phát triển cho nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá huấn luyện nội bộ và bên ngoài nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty còn thực hiện việc lập quỹ đào tạo để tạo điều kiện cho người lao động học thêm, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tình hình đầu tư thực hiện các dự án:

3.1. Đầu tư vào các công ty có liên quan và công ty con

STT	Bên có liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ BQ	Vốn đầu tư
1	Công ty TNHH Hải Yến	Công ty liên doanh	(*)	179.514.814.098
2	Công ty CP TM NN Sông Mê Kông	Công ty liên kết	40%	13.790.000.000
3	Cty TNHH MTV Trọng Tín Long An	Công ty con	100%	

- (*) Công ty CP Khử trùng Việt Nam đã chuyển vốn đầu tư vào Công ty TNHH Hải Yến là 176.500.000.000 VNĐ để hoàn thiện xây dựng và đưa vào khai thác kinh doanh từ tháng 10 năm 2008. Do có tranh chấp về tỷ lệ góp vốn giữa Công ty CP Khử trùng Việt Nam và Công ty Thực phẩm và Đầu tư Công nghệ (Công ty XNK Tổng hợp III trước đây) nên vấn đề này chưa được giải quyết và hiện đang được tòa Khánh Hòa thụ lý.
- Khách sạn Novotel được đưa vào hoạt động từ cuối năm 2008, kết quả kinh doanh khá tốt. Công suất sử dụng luôn trên 60%, doanh thu 9 tháng năm 2012 là 73,2 tỷ đồng, LNST hơn 12,4 tỷ đồng. Như đã trình bày ở trên, việc tranh chấp giữa hai thành viên góp vốn vẫn chưa được giải quyết nên chưa thể hợp nhất lợi nhuận của khách sạn vào VFC. Dự kiến, năm 2013 doanh thu và lợi nhuận sẽ tăng 10%.

3.2. Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty do VFC sở hữu 100% vốn

- Công ty TNHH MTV Trọng Tín - Long An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1101396991 ngày 26/08/2011. Tại Lô B107, Khu công nghiệp Thái Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Vốn điều lệ 50 tỷ đồng. Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất, sang chai, đóng gói thuốc BVTV.

Hiện tại, Công ty CP Khử trùng Việt Nam chưa thực hiện góp vốn vào Công ty con. Công ty đang tiến hành thủ tục và dự kiến đầu tư xây dựng nhà máy trong năm 2014. Việc đầu tư xây nhà máy pha chế, sang chai đóng gói tại khu công nghiệp Thái Hòa (Long An) nhằm giảm tải cho nhà máy Lê Minh Xuân trong những năm sắp tới.

4. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.110.481.403.063	931.061.381.142	19.27%
Doanh thu thuần	1.507.651.497.452	1.315.656.197.111	14.59%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	127.033.058.667	156.986.968.550	-19.08%
Lợi nhuận khác	2.761.091.579	(1.169.081.334)	136.18%
Lợi nhuận trước thuế	129.794.150.246	155.817.887.216	-16.70%
Lợi nhuận sau thuế	86.638.202.966	116.643.900.941	-25.72%
Tỷ lệ LNST	7.8%	12.5%	-4.7%
Tỷ lệ trả cổ tức	25%	30%	-5%

5. Vốn cổ phần

5.1. Cổ phần đang lưu hành:

	01/10/2011	Thay đổi	30/9/2012
Cổ phần phổ thông đang lưu hành	12.682.753	290.000	12.972.753
Cổ phiếu quỹ	10.210	0	10.210

5.2. Thay đổi sở hữu của CD nội bộ và CD lớn trong năm

Không có thay đổi về sở hữu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn trong năm.

❖ Cổ đông lớn

Stt	Họ và tên	2012	20/12/2011	Thay đổi
1	Quỹ Tầm nhìn SSI	1.788.547	1.413.181	375.366
2	Franklin Templeton Investment Fund	1.267.299	1.254.289	13.010

❖ Cổ đông nội bộ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT & BKS trong năm không thay đổi, số lượng cổ phiếu tăng thêm do đợt chia cổ phiếu thưởng với tỉ lệ 10:3 theo nghị quyết 01/2011

Stt	Họ và tên	Chức vụ	2012	20/12/2011	Thay đổi
1	Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch HĐQT	62,990	62,990	14,536
2	Trương Công Cứ	TV HĐQT	101,400	101,400	23,400
3	Nguyễn Minh Dũng	TV HĐQT	101,400	101,400	23,400
4	Nguyễn Bảo Sơn	TV HĐQT	106,080	106,080	24,480
5	Đặng Thanh Cường	TV HĐQT	17,160	17,160	3,960
	HĐQT		389,030	389,030	89,776
7	Ung Đoàn Hùng	Trưởng BKS	68,667	68,667	15,846
8	Thái Thị Hồng Châu	TV BKS	63,559	63,559	14,667
9	Võ Thành Phú	TV BKS	6,778	6,778	1,564
	BKS		139,004	139,004	32,077

5.3. Hoạt động quan hệ cổ đông (IR)

- Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng ảnh hưởng đến việc cung cấp vốn cho các doanh nghiệp. Tính thanh khoản, giá cổ phiếu tuột dốc khó dự đoán, niềm tin của nhà đầu tư không ổn định. Do đó, công bố thông tin minh bạch, chính xác, trung thực, đầy đủ và kịp thời không chỉ là trách nhiệm của doanh nghiệp đối với nhà đầu tư, mà là trách nhiệm của doanh nghiệp đối với sự phát triển bền vững của chính mình.
- Do thời gian hoạt động của Ban IR chưa đủ lâu, nhân sự có năng lực chuyên môn còn

mỏng và vẫn còn trong giai đầu xây dựng, phát triển các công tác quan hệ với cổ đông nên còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Tuy nhiên, VFC luôn cố gắng hết sức để tạo ra nhiều kênh thông tin hiệu quả và thiết thực đến các nhà đầu tư, cũng như thực hiện nghiêm túc việc công bố thông tin, báo cáo minh bạch với cổ đông trên các phương tiện thông tin đại chúng và trang web của công ty.

- Trong năm, Ban IR đã có nhiều đợt đón tiếp các nhà đầu tư tổ chức quan tâm đến VFC. Những ý kiến phản hồi của cổ đông vừa là thách thức vừa là động lực giúp Ban lãnh đạo trong công tác quản trị và điều hành.

5.4. Kế hoạch IR năm 2013

- Kết hợp với một tổ chức tài chính chuyên nghiệp trong lĩnh vực IR để hỗ trợ, tư vấn kế hoạch IR cho công ty.
- Tổ chức cuộc gặp gỡ, tiếp xúc, trao đổi với Nhà Đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư tổ chức và cổ đông lớn.
- Lên kế hoạch ngăn ngừa và xử lý khủng hoảng.
- Cung cấp thông tin, giải đáp thắc mắc cho các Nhà đầu tư và cổ đông qua gặp gỡ trực tiếp, điện thoại, mail, tài liệu, ấn phẩm.
- Cập nhật nhanh chóng, kịp thời các thông tin cần thiết cho cổ đông trên mục Quan hệ cổ đông trên website công ty.

6. Hoạt động cộng đồng:

6.1. Kiểm soát dịch hại vì cộng đồng

- Kiểm soát chuột tại công viên vùng bờ biển Trần Phú, Nha Trang
- Kiểm soát côn trùng và bệnh dịch hại tại Quận Ngũ Hành, Tp.Đà Nẵng

6.2. Các hoạt động tài trợ, khoa giáo, hỗ trợ nông dân

- Tài trợ các chương trình khoa giáo trên các đài phát thanh truyền hình tỉnh Tiền Giang, Long An...để hỗ trợ kiến thức cho bà con trồng trọt và phòng ngừa sâu bệnh như “Chung tay xây dựng ruộng đồng”, “Tìm hiểu màu xanh cây lúa”, “Đồng hành cùng nhà nông”...
- Hỗ trợ nông dân cà phê trong dự án tái canh cà phê theo hướng phát triển bền vững qua việc liên kết với các trường đại học, các nhà khoa học.

6.3. Trao học bổng cho sinh viên

- Tài trợ “Quỹ học bổng VFC” với tổng trị giá 270 triệu cho SV 2 trường ĐH Nông Lâm & ĐH Cần Thơ trong 3 năm 2010-2012. Trong năm 2012, đã tài trợ 29 suất học

bổng, tổng giá trị 93 triệu đồng

- Các sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiếu học đã nhận được học bổng từ công ty. Không chỉ hỗ trợ bằng tiền và hiện vật mà những sinh viên ưu tú này cũng được tạo điều kiện thực tập và làm việc tại công ty sau khi ra trường.



6.4. Hỗ trợ đồng bào gặp khó khăn

- Trong suốt những năm qua, VFC không chỉ phấn đấu vì mục tiêu phát triển kinh doanh bền vững, mà song song đó VFC còn chú trọng tham gia vào các hoạt động cộng đồng thiết thực, thường xuyên thực hiện các chuyến công tác xã hội, từ thiện đầy ý nghĩa. Đây là một trong những cố gắng của VFC nhằm nâng cao cuộc sống cho cộng đồng, đồng thời tạo nên giá trị nhân văn trong văn hóa doanh nghiệp, góp phần phát triển bền vững thương hiệu VFC.
- Kết hợp với Đoàn thanh niên công ty và Quận Bình Thạnh tổ chức phát quà trung thu cho các em có hoàn cảnh khó khăn; cứu trợ đồng bào bị thiên tai lũ lụt, tập thể cán bộ công ty và các chi nhánh đã quyên góp ủng hộ tiền và hiện vật (gạo, mì tôm, bánh kẹo, sách vở,...) và những hoạt động từ thiện khác.



III. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH:

1. Đánh giá môi trường hoạt động:

Tình hình kinh tế vĩ mô:

- Kinh tế thế giới trong đó có kinh tế Việt Nam tiếp tục bị ảnh hưởng bất lợi từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và khủng hoảng nợ công kéo dài ở khu vực châu Âu.
- Trong nước, thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp dẫn đến hàng tồn kho ở mức cao. Sản xuất bị đình đốn, nhiều doanh nghiệp phá sản, giải thể.
- Lạm phát, lãi suất vẫn còn ở mức cao.
- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa chung thì giảm nhưng các sản phẩm nông nghiệp như gạo, cà phê thì lượng xuất cao nhất từ trước đến nay.
- Giá nhiều loại hàng nông sản xuất khẩu trên thị trường thế giới có xu hướng giảm.

2. Tình hình chung của VFC

2.1. Thuận lợi

- Điều kiện thời tiết và khí hậu trong năm thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng.
- Sản lượng lúa ước tính đạt 43,7 triệu tấn (nguồn Tổng cục thống kê).
- Tình hình giá lúa, cà phê tương đối ổn định, nông dân phấn khởi và mạnh dạn đầu tư sản xuất.

2.2. Khó khăn

- Áp lực dịch hại thấp.
- Tình hình tài chính khó khăn, định mức cho vay hạn chế nên các đại lý, doanh nghiệp tư nhân nhỏ lẻ dần thu hẹp quy mô sản xuất, kinh doanh ảnh hưởng đến tất cả các doanh nghiệp, tác động xấu đến kết quả kinh doanh các ngành nghề của VFC.
- Thu hồi công nợ khó. Tình trạng chiếm dụng vốn diễn ra ở số đông khách hàng, một số đại lý bán phá giá làm ảnh hưởng toàn hệ thống phân phối của công ty.
- Lĩnh vực khử trùng, PCO cũng xảy ra sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trước sự đẩy mạnh hoạt động của các công ty đối thủ, đặc biệt các công ty có chức năng giám định của nước ngoài cung cấp.

3. Kết quả kinh doanh:

Tổng doanh thu các ngành nghề kinh doanh trong 12 tháng là 1,531 tỉ đồng đạt 95% so với mục tiêu 1,611 tỉ đồng và đạt 110 % so với doanh thu cùng kỳ.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài sản:

Trong năm Công ty đầu tư 21 tỷ đồng chủ yếu mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các tài sản dùng trong quản lý phục vụ cho sản xuất kinh doanh chính.

4.2. Tình hình nợ phải trả:

Nợ phải trả tăng so với cùng kỳ, tuy nhiên những khoản nợ phải trả đều nằm trong hạn mức cho phép, các khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho và nợ phải thu.

5. Những tồn tại & cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Từ tháng 4/2012, VFC khởi động tiến trình cải cách, thay đổi phương thức kinh doanh, phương thức điều hành trong toàn hệ thống.

❖ Triển khai điều chỉnh cơ cấu tổ chức, bộ máy, phòng ban, chi nhánh

- Xuất phát từ cơ cấu tổ chức không đáp ứng so với yêu cầu phát triển công ty nên Ban điều hành công ty đã kết hợp với công ty tư vấn Focal Views khảo sát hiện trạng và triển khai phương án tái cấu trúc.
- Tổ chức các cuộc họp cán bộ chủ chốt theo từng khu vực, vùng miền và thông qua cơ cấu, mô hình tổ chức phòng ban, chi nhánh, đội ngũ nhân sự mới trong tháng 9/2012 nhằm xây dựng và vận hành bộ máy tổ chức mới theo hướng phát triển bền vững.
- Đã thành lập các chi nhánh mới: CN Sơn La, Nghệ An, Đồng Nai, Đồng Tháp, Sóc Trăng, CN Khử trùng tại Tp. HCM.
- Mở rộng thị trường kinh doanh thuộc BVTV sang Campuchia qua việc thành lập Chi nhánh VFC- Cambo.
- Thay đổi cơ cấu tổ chức từ phòng ban chức năng của công ty đến từng chi nhánh, đổi mới phương thức marketing trong các ngành nghề của công ty.

❖ Công tác nhân sự, đào tạo, tuyển dụng & tiền lương

- Thời gian qua đã xem xét bổ nhiệm lại toàn bộ 61 các chức danh quản lý trong hệ thống theo cơ cấu tổ chức mới
- Thường xuyên tổ chức đào tạo cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật thị trường tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long và Miền Trung Tây Nguyên. Định kỳ hàng tuần, phòng TC-KT công ty kết hợp với tư vấn tổ chức tập huấn để nâng cấp kiến thức, kỹ năng và hướng dẫn phương thức hạch toán mới, quản lý và sử dụng phần mềm quản lý ePacific .
- Trong năm 2012, Ban điều hành đã điều chỉnh mức lương chức danh, bình quân tăng 20%, giúp người lao động giải quyết được một phần khó khăn trong cuộc sống. Trong quý II/2013, BĐH tiếp tục cải tiến hệ thống lương chức danh cho phù hợp với yêu cầu, sắp xếp lại hệ thống đồng thời để đáp ứng yêu cầu nâng cấp cán bộ quản lý, chuyên môn.

❖ Công tác quản trị tài chính

- Ban điều hành công ty đã tổ chức lại hệ thống kế toán và thay đổi phương thức hạch toán.
- Từng bước xây dựng các kế hoạch tài chính, tổ chức đào tạo nâng cấp cán bộ làm công tác kế toán và quản lý tài chính.
- Ban điều hành cũng đã hợp tác với Công ty E-Pacific để triển khai xây dựng phần mềm quản trị kế toán mới.

❖ **Đối với ngành nông dược – giống cây trồng**

- Ban điều hành đã tiến hành cải cách, từng bước làm thay đổi, điều chỉnh các quy trình cơ bản của phương thức kinh doanh cũng như phương thức điều hành kinh doanh. Từng bước cơ cấu, chấn chỉnh lại giá cả, hàng hóa trong hệ thống phân phối.

❖ **Đối với ngành Khử trùng**

- Triển khai phương thức xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch chi phí và cách lập các kế hoạch marketing, kế hoạch nhập khẩu vật tư, nguyên liệu.
- Đã thành lập ngành khử trùng và PCO với các phòng chức năng nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác kinh doanh và Marketing đồng thời hỗ trợ nhiều hơn cho các chi nhánh.
- Quản lý tốt các quá trình, quy trình kỹ thuật, qua đó công tác khử trùng hàng hóa trong kho ngày càng được nhiều khách hàng tín nhiệm và công tác khử trùng dịch vụ cũng được cơ quan quản lý chuyên ngành đánh giá cao và thường xuyên chỉ định VFC triển khai thực hiện.

❖ **Đối với ngành PCO**

- Công bố hình ảnh và thương hiệu mới của Bộ phận Kiểm soát côn trùng VFC với tên gọi PESTMAN chính thức kể từ ngày 01/06/2012.
- Triển khai xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch chi phí cho toàn ngành.
- Hướng dẫn xây dựng kế hoạch marketing và trong tháng đầu năm 2013 công ty sẽ triển khai xây dựng chiến lược phát triển ngành nghề cho những năm về sau.

6. Kế hoạch phát triển cho từng ngành trong năm 2013:

Kế hoạch năm 2013 & tỷ lệ %/ 2012

Ngành	Nông dược	Hạt giống	Khử trùng	PCO	Cho thuê VP	Cộng
-------	-----------	-----------	-----------	-----	-------------	------

Tỷ đồng	1.200	183	219	69	9	1.680
%	106	160	106	133	(6)	111

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Về hiệu quả hoạt động của công ty và Ban Điều hành

- Doanh thu tăng 10% so với doanh thu cùng kỳ năm 2011, đạt 95% so với mục tiêu 1,611 tỉ đồng so với kế hoạch. Đây là sự nỗ lực cố gắng vượt bậc của tập thể Ban Điều hành và đội ngũ nhân viên do tình hình kinh doanh trong năm gặp nhiều khó khăn, trở ngại lớn, không có sâu bệnh hại nhiều trên cây trồng, chính sách thắt chặt tín dụng của chính phủ ảnh hưởng đến sức mua của đại lý, các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật của hầu hết công ty trong đó có VFC bị phá giá nên việc bán hàng gặp nhiều khó khăn.

Kế hoạch kinh doanh năm 2012

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ số
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1,611.00
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	90.00
Mức chia cổ tức	%	25.00

- HĐQT đánh giá cao công tác điều hành của ban lãnh đạo, đã từng bước xây dựng, khẳng định vị trí thứ 2 của mình, thu hẹp khoảng cách với các doanh nghiệp cùng ngành nghề khác và giữ vững vị trí hàng đầu trong việc cung cấp dịch vụ, kiểm soát dịch hại.
- Trong năm 2012, hoạt động kinh doanh đã được mở rộng sang thị trường Campuchia qua việc thành lập chi nhánh Công ty tại đây.
- Hội đồng quản trị cũng đã chấp thuận điều chỉnh quy mô dự án xây dựng nhà máy và kho chứa nông dược tại Khu công nghiệp Long An nhằm giảm tải cho Nhà máy Lê Minh Xuân.
- Vốn điều lệ của VFC cũng tăng 2,9 tỷ từ ngày 1/4/2012 theo phương thức phát hành thực hiện chương trình cổ phiếu thưởng cho nhân viên (ESOP).

2. Các kế hoạch và định hướng

- Định hướng sẽ trở thành công ty đứng hàng thứ hai một cách bền vững về phân phối thuốc bảo vệ thực vật và là công ty dẫn đầu trong lĩnh vực Khử trùng và Kiểm soát

dịch hại.

- HĐQT chỉ đạo và cùng Ban điều hành xác định định hướng chiến lược cấp công ty, ngành và các chức năng nhân sự, tài chính.
- Củng cố và phát triển mối quan hệ đối tác chiến lược, đồng hành trong việc phát triển sản phẩm, gia tăng thị phần, giữ vững vị trí trong top đầu ngành.
- Tăng cường công tác quản lý hệ thống kênh phân phối.
- Tăng cường hoạt động Marketing trong cả 3 ngành.
- Phát triển nguồn nhân lực, đào tạo đội ngũ kế thừa.
- Tiếp tục công tác chọn lọc, tuyển dụng, đào tạo nhân viên và đặc biệt hỗ trợ các chi nhánh mới thành lập trong công tác quản trị điều hành.
- Kiện toàn bộ máy kế toán, đào tạo bổ sung các kiến thức, nâng cấp kỹ năng về chuyên môn cho kế toán viên.
- Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh cho năm 2013 phù hợp với diễn biến tình hình thực tại của từng ngành nghề, chi nhánh.
- Tập trung nỗ lực để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh những tháng đầu năm tài chính 2013 của toàn hệ thống.
- Tiếp tục định hướng trên cơ sở tăng cường công tác quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính đặc biệt chú ý tình hình công nợ trong hệ thống.
- Khẳng định và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đẩy nhanh và hoàn thiện quá trình tái cấu trúc, hoàn thành triển khai phần mềm kế toán hiệu quả.
- Xem xét các đề xuất của từng ngành, chi nhánh về các hạng mục như lương, trang thiết bị, địa điểm làm việc, nhà xưởng.

Chú trọng đến sự đầu tư phát triển theo hướng bền vững, lưu ý các đề án, công tác bảo vệ môi trường theo đề xuất của nhà máy.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Bạch Tuyết

Chủ tịch HĐQT

Sinh năm: 1942

Trình độ: Kỹ sư nông nghiệp

Quá trình công tác:

- 1985- nay: Công ty CP Khử trùng Việt Nam

-1976 - 1985: Chi cục phó Chi cục Kiểm dịch thực vật – Cục BVTV Bộ Nông nghiệp

Ông Trương Công Cứ

Tổng giám đốc – Phó chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Bảo Sơn

Phó Tổng Giám Đốc – TV HĐQT

Ông Nguyễn Minh Dũng

Phó Tổng Giám Đốc – TV HĐQT

Ông Đặng Thanh Cương

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1955

Trình độ: Kỹ sư nông nghiệp

Quá trình công tác:

- 1985 - nay: Công ty cổ phần Nông dược H.A.I

- 1979 - 1985: Chuyên viên – Trung tâm BVTV nhía Nam Tiền Giang

Ông Ung Đoàn Hùng

Trưởng ban kiểm soát

Sinh năm: 1955

Trình độ: Kỹ sư nông nghiệp

Quá trình công tác:

- 2001 - nay: Công ty Khử trùng Việt Nam
- 1997 - 2001: Trưởng phòng Kỹ thuật – Công ty CP Khử trùng Việt Nam
- 1983 - 1997: Sở Nông nghiệp Khánh Hòa

Bà Thái Thị Hồng Châu

Thành viên ban kiểm soát

Sinh năm: 1956

Trình độ: Kỹ sư hóa thực phẩm

Quá trình công tác:

- 03/2000 - nay: thành viên ban kiểm soát - Công ty CP Khử trùng Việt Nam
- 11/1994 - 04/2000: Phó phòng Kế hoạch Kinh doanh – Công ty CP Khử trùng VN
- 01/1988 - 10/1994: Chuyên viên phòng Kế hoạch – Công ty chế biến Mì màu
- 07/1981 - 12/1987: Cán bộ kỹ thuật – Tổng công ty Lương thực Miền Nam
- 01/1979 - 06/1981: Cán bộ kỹ thuật – Sở Lương thực Đồng Nai

Ông Võ Thành Phú

Thành viên ban kiểm soát

Sinh năm: 1973

Trình độ: Cử nhân tin học – kế toán

Quá trình công tác:

- 2006 - nay: thành viên ban kiểm soát – Công ty CP Khử trùng Việt Nam
- 2005 - 2006: Kế toán Logistic – Công ty Cyber Home Việt Nam Tp.HCM
- 2001 - 2005: Kế toán bán hàng – Công ty TNHH Hóa nông Hagrochem Bình Dương

2. Hoạt động của HĐQT

2.1. Vai trò của HĐQT

- HĐQT đã tập trung làm việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tập thể, cá nhân thành viên và tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Pháp luật hiện hành.
- Thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động, xây dựng chiến lược và định hướng kinh doanh từng năm; giữ ổn định sự phát triển của doanh nghiệp trong tình hình kinh tế biến động.
- Các tiểu ban chuyên môn phát huy vai trò, giữ lịch sinh hoạt, báo cáo cho Chủ tịch HĐQT, tham gia nhiều ý kiến mang lại hiệu quả thiết thực.
- Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định.

2.2. Hoạt động của HĐQT

- Trong năm 2011 Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát kịp thời các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc điều hành thông qua việc ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, phê duyệt các quy chế về tái cấu trúc tổ chức nhân sự, lương, thưởng....
- Hỗ trợ Ban điều hành công ty phát huy cao nhất năng lực trí tuệ của tập thể và đội ngũ lãnh đạo tâm huyết vì sự nghiệp phát triển công ty. Đến ngày hôm nay VFC đã có hơn 1000 thành viên đang làm việc trên khắp nẻo đường của đất nước .
- Duy trì các cuộc họp của Hội đồng hàng quý. Các Nghị quyết của HĐQT tạo điều kiện cho Ban điều hành có nhiều thuận lợi trong việc thực hiện các chỉ tiêu năm 2012.

STT	Số NQ	Ngày	Nội dung
01	158/2012/ NQ-HĐQT -VFC	14/02/2012	Thông qua việc chi trả cổ tức đợt 3 năm 2011 là 10% tiền mặt.

02	159/2012/ NQ-HĐQT -VFC	12/03/2012	Thông qua Quy chế và Phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho Cán bộ nhân viên (ESOP) giai đoạn 1.
03	03/2012/ NQ-HĐQT -VFC	23/04/2012	Thông qua điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2012; phê duyệt chủ trương tái cấu trúc; chấp thuận điều chỉnh quy mô dự án xây dựng nhà máy và kho chứa nông dược tại Khu CN Long An; phê duyệt mức tổng quỹ tiền lương năm 2012 là 11% doanh thu thuần.
04	162/2012/ NQ-HĐQT -VFC	26/06/2012	Thông qua việc thành lập Công ty TNHH VFC-Cambo với vốn điều lệ 1000USD và thành lập Công ty VFC-GENEVA (Úc) vốn điều lệ 5 tỷ đồng VN.
05	04/2012/ NQ-HĐQT -VFC	30/07/2012	Thông qua cơ cấu tổ chức mới của công ty do Ban Điều hành đề xuất; phê duyệt chủ trương thành lập chi nhánh công ty tại Tp.HCM; thông qua mức chi trả tạm ứng cổ tức 6 tháng đầu năm 2012 là 10%
06	05/2012/ NQ-HĐQT -VFC	18/09/2012	Nhất trí phê duyệt chủ trương chuyển Công ty TNHH VFC-Cambo thành Chi nhánh Cty CP. Khử trùng Việt Nam tại Campuchia

- Tiếp tục thực hiện chi trả cổ tức đợt 3/2011 bằng tiền mặt 10% và cổ tức đợt 1/2012 là 10%
- Thông qua Quy chế & phương án phát hành cổ phiếu thưởng ESOP giai đoạn 1 với số lượng CP phát hành 600.000 cổ phiếu, tương ứng 4,7% vốn lưu hành hiện tại
- Bổ sung, chỉnh sửa quy chế ESOP
- Thay đổi tăng vốn Điều lệ theo chương trình phát hành Cổ phiếu thưởng, theo NQ của ĐHĐCĐ ngày 27/06/2012. Cụ thể:

- Vốn điều lệ ngày 30/09/2011 : 126.827.530.000 VNĐ
- Tổng số vốn tăng đến 01/04/2012 : 2.900.000.000 VNĐ
- Đối tượng phát hành : Cán bộ nhân viên
- Thời gian đã thực hiện : 05/04/2012

- Hình thức tăng : phát hành cổ phiếu ESOP
 - Vốn điều lệ sau khi tăng : 129.727.530.000 VNĐ
- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giám sát Ban điều hành trong quá trình triển khai thực hiện việc phát hành 600.000 cổ phiếu thưởng ESOP giai đoạn 1 và 310.000 cổ phiếu thưởng ESOP giai đoạn 2 cho CBNV theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2012, bao gồm: (1) Xây dựng và bổ sung chỉnh sửa quy chế ESOP, (2) Xây dựng tiêu chí để lựa chọn và phân phối, (3) Phổ biến nội dung chương trình và hướng dẫn các thành viên tham gia đăng ký chương trình hành động nhằm đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên khi tham gia chương trình. Hồ sơ hiện nay đã hoàn tất, đang thực hiện các bước tiếp theo cho đúng quy định của UBCKNN.

3. Hoạt động của BKS

3.1. Vai trò của BKS

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý và điều hành. Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2012.
- Tham gia các buổi họp theo thư mời của HĐQT, BTGD.
- Xem xét các báo cáo và thông báo của HĐQT đến Cổ đông.
- Xem xét các báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu và nội dung trên báo cáo.
- Trong năm BKS họp định kỳ 3 tháng/ lần, trao đổi công việc thực hiện và phối hợp hoạt động kiểm tra giám sát giữa các thành viên .

3.2. Kết quả thực hiện việc kiểm tra, giám sát

3.2.1. Đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Thống nhất với đánh giá chung của ban điều hành công ty. Trong năm tài chính 2012 vừa qua, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh vô cùng khó khăn do các yếu tố khách quan nên kết quả thực hiện năm qua có thể chấp nhận được. Cụ thể ngành nông được hiện đang ở vị trí thứ 2 trong nhóm công ty hàng đầu, ngành khử trùng PCO đang mở rộng thêm thị phần. Mặt khác, ngành kinh doanh hạt giống tuy mới hoạt động nhưng với sự hợp tác của đối tác Syngenta đã mở ra một triển vọng mới gia tăng doanh số nhất là ở địa bàn phía bắc và Tây nguyên.

- Đến hết năm 2012, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Các quy trình hoạt động tuân thủ theo các yêu cầu của hệ thống kiểm soát và quản trị nội bộ. Chế độ giao ban giữa Ban TGD và các khối kinh doanh vận hành tốt đã giúp phát hiện kịp thời các vấn đề khó khăn và có giải pháp phù hợp với tình hình.

3.2.2. Công tác quảng bá thương hiệu có nhiều tiến bộ.

3.2.3. Đánh giá về báo cáo tài chính và một số kết quả thực hiện trong năm 2012 của Công ty:

- Báo cáo tài chính năm 2012 từ ngày 01/10/2011 đến 30/09/2012 được kiểm toán đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm 30/09/2012 cũng như kết quả kinh doanh trong năm, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt nam hiện hành.
- Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu so với kế hoạch như sau:
 - Doanh thu 1.531 tỷ đồng, đạt tương đương 95% so với kế hoạch, vượt 10% so với cùng kỳ.
 - Lợi nhuận trước thuế 129.794.150.246 đồng, đạt tương đương 95% so với kế hoạch.
 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu là 6,678 đồng/ 1 cổ phiếu, đạt tương đương 95 % so với kế hoạch.
- Một số kết quả thực hiện trong năm 2012 như sau:
 - Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên giai đoạn 1, trị giá 2.910.860.000 đồng, nâng vốn đầu tư chủ sở hữu lên 129.727.530.000 đồng. Công ty hiện đang hoàn tất thủ tục phát hành cổ phiếu thưởng giai đoạn 2 cho cán bộ, công nhân viên trị giá 3.100.000.000 đồng.
 - Công ty trích lập quỹ đầu tư phát triển từ 20% lợi nhuận sau thuế năm 2011 tương đương số tiền là 18.917.359.581 đồng.
 - Công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ 15% lợi nhuận sau thuế năm 2011 tương đương số tiền là 14.188.019.686 đồng.
 - Công ty trích lập quỹ dự phòng tài chính số tiền 7.310.772.500 đồng từ lợi nhuận sau thuế. Số dư cuối kỳ là 31.706.882.500 đồng tương ứng 25% vốn điều lệ .

- Công ty trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ từ 5% lợi nhuận sau thuế năm 2011 tương ứng số tiền là 4.729.339.895 đồng.
- Công ty đã trả cổ tức năm 2011 (đợt 3) vào ngày 12/03/2012 số tiền 12.672.534.000 đồng ứng với 10% vốn điều lệ.
- Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2012 (đợt 1) vào ngày 28/08/2012 số tiền 12.962.543.000 đồng ứng với 10% vốn điều lệ.
- Công ty đã trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban thư ký số tiền 1,299 triệu đồng tương ứng 1,5% lợi nhuận sau thuế năm 2011.
 - Năm 2012, Công ty chưa nhận được cổ tức từ các khoản đầu tư tài chính.
 - Cty TNHH Hải Yến: hoạt động kinh doanh đã có doanh thu nhưng chưa thống nhất về tỉ lệ góp vốn giữa các đối tác nên chưa chia lãi.

3.2.4. Đánh giá về hoạt động của HĐQT và BTGD:

- Đã chỉ đạo Công ty thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.
- Đã quản lý và điều hành Công ty khắc phục các khó khăn nhằm hoàn thành cơ bản kế hoạch kinh doanh năm 2012, đã vượt 10% so với cùng kỳ.
- Hồ sơ mua nhà 37 Nguyễn Trung Ngạn làm văn phòng Công ty đã được UBND Thành Phố phê duyệt, đang chờ Sở Tài chính xem xét và thẩm định giá cho căn nhà.
- Công ty đã chào mời rất nhiều khách hàng, nhà đầu tư hoặc mua lại khu đất quận 12 nhưng năm qua, tình hình kinh doanh bất động sản hoàn toàn bị đóng băng nên công ty vẫn chưa giải quyết được theo nghị quyết ĐH cổ đông năm 2012. Hiện tại khu nhà kho được sử dụng để chứa hạt giống.
- Dự án đầu tư Trung tâm Thương mại Mê Kông tại tỉnh Đồng Tháp cũng chưa thoái vốn được vì lý do tương tự bên trên.
- Đã thẩm định thiết kế xây dựng nhà máy gia công thuốc BVTV tại khu công nghiệp Thái Hòa (Long An).
- Dự án phần mềm kế toán Pacific đã triển khai và vận hành thử từ 31/10/2012.
- Do khó khăn về tình hình tài chính nên công ty vẫn chưa nhận chuyển nhượng được kho vật tư khử trùng tại quận 2.
- Việc tranh chấp với đối tác trong liên doanh Công ty TNHH Hải Yến đã đưa ra tòa nhưng phía Công ty Thực phẩm Công nghệ cao vẫn không đồng ý với kết quả thẩm định giá trị tài sản và tiếp tục chờ kết quả hòa giải, phán xử của tòa án.
- Đã thực hiện xong việc thoái vốn Công ty vào Công ty cổ phần giám định Lửa Việt.

4. Quản trị rủi ro

Rủi ro	Ảnh hưởng	Quản trị
Rủi ro luật	Là Công ty niêm yết, hoạt động của VFC chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật	- Cập nhật các văn bản luật và dưới luật thường xuyên, kịp

pháp	về Công ty cổ phần, Chứng khoán, và thị trường chứng khoán. ➔ Luật và các văn bản dưới luật đang trong giai đoạn hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động quản trị và kinh doanh của doanh nghiệp, khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu ➔ Nguy cơ bị kiện tụng, tranh chấp, bồi thường nếu không am hiểu luật pháp và các quy định liên quan.	thời điều chỉnh cho phù hợp. - Thực hiện quyết toán thuế TNDN mỗi năm một lần với cơ quan thuế - Có chuyên viên pháp chế thỏa thuận các hợp đồng và tiến hành rà soát trước khi ký kết. - Kết hợp với các tổ chức tài chính chuyên nghiệp, am tường về pháp luật tư vấn trong trường hợp cần thiết
Rủi ro kinh tế	Kinh tế vẫn đang trong giai đoạn bất ổn, GDP tăng trưởng với mức thấp (dưới 7%) trong khi lạm phát vẫn ở mức cao đi kèm với chính sách tiền tệ thắt chặt. Giá cả các mặt hàng đều tăng trong khi nhu cầu lại giảm. ➔ Doanh thu công ty bị tác động ➔ Giá thành tăng dẫn đến giá bán tăng, nợ phải thu tăng và hàng tồn kho nhiều.	- Tập trung cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính, không đầu tư tràn lan. - Tăng cường bán hàng theo chiều sâu, tăng cường công tác chăm sóc khách hàng
Rủi ro kinh doanh	Hàng xuất khẩu đi những quốc gia như Nhật, Úc, đòi hỏi tiêu chuẩn cao do đó khâu kiểm tra phải đáp ứng nghiêm ngặt chỉ tiêu chất lượng ➔ Rủi ro phải thực hiện lại dịch vụ hoặc bị hủy hợp đồng, ảnh hưởng đến doanh số và tên tuổi của công ty.	- Tăng cường máy móc thiết bị cũng như thuê chuyên gia nước ngoài về đào tạo cho nhân viên công ty - Đăng ký chuẩn với những tổ chức kiểm định có tiếng trên thế giới để có giấy chứng nhận phù hợp với mặt hàng kiểm tra.
Rủi ro biến động tỷ giá ngoại tệ	Mặt hàng nông dược chủ yếu thông qua nhập khẩu dùng đồng USD và JPY thanh toán nên chịu nhiều ảnh hưởng từ tỉ giá hối đoái. ➔ Khan hiếm ngoại tệ gây khó khăn cho việc nhập khẩu ➔ Chi phí cơ hội khi phải nhập hàng để trữ trong kho ➔ Tỷ giá tăng làm tăng chi phí đầu vào, ảnh hưởng đến lợi nhuận	- Huy động nguồn tiền để thanh toán nhanh những lúc ngoại tệ có nguy cơ biến động. - Duy trì quan hệ khách hàng thân thiết với một vài ngân hàng lớn để được ưu đãi trong việc giải ngân.

5. Thù lao HĐQT và BKS:

Thù lao của HĐQT & BKS được quyết định ở mỗi kỳ họp ĐHĐCĐ. Theo nghị quyết 01/2012, tổng số tiền chi cho HĐQT & BKS là 1,5% LNST tức 1,22 tỷ đồng. Mức thù lao của từng thành viên do HĐQT quyết định.

6. Kế hoạch tăng cường hiệu quả quản trị

- Tiếp tục kết hợp với công ty tư vấn FV để được tư vấn về quản trị và tái cấu trúc doanh nghiệp
- Xây dựng các quy chế về quản trị công ty, quản lý tài chính, quản lý nhân sự, quy trình làm việc tại các bộ phận, phòng ban tại VP Công ty và các chi nhánh trực thuộc Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, quy trình.
- Tăng cường hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000
- Tăng cường giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Chi nhánh và Trưởng bộ phận.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán độc lập:

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam được lập ngày 08/01/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/09/2011 đến ngày 30/09/2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự bảo đảm hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng ý kiến kiểm toán viên

Tại thời điểm 30/09/2012, Công ty chưa trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi với số tiền ước tính là 5,28 tỷ đồng. Nếu thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam sẽ làm tăng chi phí quản lý doanh nghiệp và giảm kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm số tiền tương ứng.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại ngày 30 tháng 09 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/09//2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi cũng lưu ý người đọc về khoản vốn góp vào Công ty TNHH Hải Yến được trình bày tại thuyết minh số 13 và 44 trên Thuyết minh báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)
Giám đốc**

Đã ký

Bùi Văn Thảo

Chứng chỉ KTV số: 0522/KTV

Kiểm toán viên

Đã ký

Nguyễn Anh Ngọc

Chứng chỉ KTV số: 1437/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Báo cáo Tài chính

Cho năm tài chính từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/09/2012

đã được kiểm toán

NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

02 – 03

Báo cáo Kiểm toán

04

Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán

05 – 32

Bảng cân đối kế toán

05 – 06

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

07

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

08

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

09 – 32



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/09/2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam, tên giao dịch quốc tế Viet Nam Fumigation Joint stock Company, viết tắt là VFC, được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Khử trùng Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 03 tháng 05 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0302327629, đăng ký lần đầu ngày 31/12/2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 17 ngày 04/07/2012.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà :	Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch
Ông :	Trương Công Cừ	Phó chủ tịch
Ông :	Đặng Thanh Cương	Thành viên
Ông :	Nguyễn Bảo Sơn	Thành viên
Ông :	Nguyễn Minh Dũng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông :	Trương Công Cừ	Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban kiểm soát gồm:

Ông :	Ung Đoàn Hùng	Trưởng ban
Bà :	Thái Thị Hồng Châu	Thành viên
Ông :	Võ Thành Phú	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/09/2012 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/09/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Trương Công Cứ



Số: 01/2013/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/09/2012
của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam*

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam được lập ngày 08 tháng 01 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/09/2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Tại thời điểm 30/09/2012, Công ty chưa trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi với số tiền ước tính là 5,28 tỷ đồng. Nếu thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam sẽ làm tăng chi phí quản lý doanh nghiệp và giảm kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm số tiền tương ứng.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại ngày 30 tháng 09 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/09/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi cũng lưu ý người đọc về khoản vốn góp vào Công ty TNHH Hải Yến được trình bày tại thuyết minh số 13 và 44 trên Thuyết minh báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2013

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Giám đốc



Bùi Văn Thảo

Chứng chỉ KTV số: 0522/KTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Anh Ngọc

Chứng chỉ KTV số: 1437/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2012 VND	01/10/2011 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		762.673.903.202	626.331.690.663
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	86.645.473.466	40.459.617.739
111	1. Tiền		86.645.473.466	36.459.617.739
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu		301.138.913.437	328.300.274.259
131	1. Phải thu của khách hàng		285.311.359.935	304.026.114.363
132	2. Trả trước cho người bán		6.494.767.708	24.944.781.612
135	5. Các khoản phải thu khác	4	18.384.587.482	2.027.427.444
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(9.051.801.688)	(2.698.049.160)
140	IV. Hàng tồn kho	5	364.870.924.502	250.396.053.564
141	1. Hàng tồn kho		366.418.838.256	250.827.662.168
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1.547.913.754)	(431.608.604)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.018.591.797	7.175.745.101
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	2.116.506.885	1.067.829.830
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.815.769.226	645.138.868
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	5.086.315.686	5.462.776.403
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		347.807.499.861	304.729.690.479
220	II. Tài sản cố định		73.659.167.806	62.729.728.479
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	52.386.252.575	42.785.267.888
222	- Nguyên giá		104.361.007.732	84.358.599.517
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(51.974.755.157)	(41.573.331.629)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	14.693.758.362	17.843.566.058
228	- Nguyên giá		16.760.795.539	19.478.795.539
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.067.037.177)	(1.635.229.481)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	6.579.156.869	2.100.894.533
240	III. Bất động sản đầu tư	11	35.380.555.826	37.067.795.538
241	- Nguyên giá		42.360.278.761	42.360.278.761
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(6.979.722.935)	(5.292.483.223)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		236.324.200.758	202.246.587.793
251	1. Đầu tư vào công ty con	12	34.792.286.660	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	13	193.304.814.098	194.168.637.793
258	3. Đầu tư dài hạn khác	14	19.477.190.000	19.477.190.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	15	(11.250.090.000)	(11.399.240.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.443.575.471	2.685.578.669
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	2.219.434.337	2.431.837.535
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17	160.062.576	160.062.576
268	3. Tài sản dài hạn khác	18	64.078.558	93.678.558
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.110.481.403.063	931.061.381.142

CT.
HẠN
JAN
TOÁN
DÂN
HỘI
HỒ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2012 VND	01/10/2011 VND
300	A. Nợ phải trả		582.633.175.953	437.378.866.344
310	I. Nợ ngắn hạn		542.760.009.202	391.896.690.067
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	19	217.163.505.454	34.737.086.129
312	2. Phải trả cho người bán		127.754.388.448	209.854.651.632
313	3. Người mua trả tiền trước		2.027.656.672	1.295.676.233
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	17.463.540.824	17.738.643.474
315	5. Phải trả người lao động		57.918.058.751	42.846.385.408
316	6. Chi phí phải trả	21	26.703.980.939	23.211.955.935
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	22	89.105.710.300	58.621.429.128
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	23	4.623.167.814	3.590.862.128
330	II. Nợ dài hạn		39.873.166.751	45.482.176.277
333	3. Phải trả dài hạn khác	24	36.999.734.319	42.864.234.235
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		2.873.432.432	2.279.930.951
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	338.011.091
400	B. Nguồn vốn chủ sở hữu		527.848.227.110	493.682.514.798
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu	25	527.848.227.110	493.682.514.798
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		129.727.530.000	126.827.530.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		70.731.808.592	70.731.808.592
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(702.100.000)	(702.100.000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		151.814.582.422	132.897.222.841
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		31.706.882.500	24.396.110.000
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		9.458.994.573	4.729.654.678
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		135.110.529.023	134.802.288.687
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.110.481.403.063	931.061.381.142

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT

	Thuyết minh	30/09/2012	01/10/2011
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	26	25.766.696.945	36.899.907.824
4. Nợ khó đòi đã xử lý		21.116.000	21.116.000
5. Ngoại tệ các loại			
USD		524.976,53	39.914,88

Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Dung

Lập, ngày 08 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



Trương Công Cứ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/09/2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/10/2011 đến 30/09/2012 VND	Từ 01/10/2010 đến 30/09/2011 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	1.536.809.740.830	1.400.734.373.422
02	2. Các khoản giảm trừ	28	29.158.243.378	85.078.176.311
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29	1.507.651.497.452	1.315.656.197.111
11	4. Giá vốn hàng bán	30	1.072.486.406.706	963.794.228.014
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		435.165.090.746	351.861.969.097
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	31	4.901.647.604	9.301.004.756
22	7. Chi phí tài chính	32	28.806.544.370	28.074.896.061
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		22.868.892.386	10.114.821.598
24	8. Chi phí bán hàng		210.470.419.077	121.971.370.723
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		73.756.716.236	54.129.738.519
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		127.033.058.667	156.986.968.550
31	11. Thu nhập khác	33	6.143.394.743	495.425.895
32	12. Chi phí khác	34	3.382.303.164	1.664.507.229
40	13. Lợi nhuận khác		2.761.091.579	(1.169.081.334)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		129.794.150.246	155.817.887.216
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35	43.155.947.280	39.334.048.850
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	(160.062.575)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		86.638.202.966	116.643.900.941

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dung

Lập, ngày 08 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



Trương Công Cứ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/09/2012
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ 01/10/2011 đến 30/09/2012 VND	Từ 01/10/2010 đến 30/09/2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.614.416.807.475	1.270.975.041.041
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.435.982.651.479)	(1.062.756.849.558)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(150.769.991.377)	(72.294.588.977)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(23.789.567.407)	(9.194.146.577)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(44.767.419.578)	(36.111.369.756)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		66.841.744.199	62.707.794.889
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(74.978.899.589)	(40.967.001.676)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(49.029.977.756)	112.358.879.386
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác		(29.864.608.714)	(33.392.979.022)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		154.545.455	489.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	36	(22.500.000.000)	(165.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		863.823.695	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.450.723.152	2.653.135.010
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(48.895.516.412)	(30.415.844.012)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	36	-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		866.724.373.026	405.663.416.678
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(684.297.953.701)	(473.370.405.377)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(38.307.629.000)	(30.869.501.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		144.118.790.325	(98.576.489.699)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		46.193.296.157	(16.633.454.325)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		40.459.617.739	57.093.072.064
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(7.440.430)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	86.645.473.466	40.459.617.739

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dung

Lập, ngày 08 tháng 01 năm 2013
Tổng Giám đốc

Trương Công Cứ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/09/2012

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam, tên giao dịch quốc tế Viet Nam Fumigation Joint stock Company, viết tắt là VFC, được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Khử trùng Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 03 tháng 05 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0302327629, đăng ký lần đầu ngày 31/12/2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 17 ngày 04/07/2012.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 129.727.530.000 đồng, được chia thành 12.972.753 cổ phần.

Công ty có 1 Công ty con:

Công ty TNHH MTV Trọng Tín-L.A đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 26/08/2011, trụ sở chính tại Lô B107, Khu công nghiệp Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng.

Công ty có các chi nhánh sau:

- | | | |
|----|----------------------|--|
| 1 | Chi nhánh phía Bắc | 147 Hồ Đắc Di, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội |
| 2 | Chi nhánh Đà Nẵng | 292 Đường 2/9 P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng |
| 3 | Chi nhánh Quy Nhơn | Số 263 Trần Hưng Đạo, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |
| 4 | Chi nhánh Nha Trang | Số 7 Nguyễn Thiện Thuật, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |
| 5 | Chi nhánh Đắk Lắk | Số 170 Chu văn An, P. Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk |
| 6 | Chi nhánh Cần Thơ | Lô 30A3-3 KCN Trà Nóc I, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ |
| 7 | Chi nhánh An Giang | Số 104 Ấp Hòa Phú I, TT An Châu, H. Châu Thành, tỉnh An Giang |
| 8 | Chi nhánh Kiên Giang | Số 572 Ấp Vĩnh Thành B, Huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang |
| 9 | Chi nhánh Mộc Hóa | 288 Quốc lộ 62, Ấp Cái Cát, Xã Tuyên Thạnh, H. Mộc Hóa, Tỉnh Long An |
| 10 | Văn phòng Đà Lạt | Lô B10, Nguyễn Hữu Cánh, Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |
| 11 | Chi nhánh Nghệ An | Số 220 Trần Hưng Đạo, phường Đội Cung, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An |
| 12 | Chi nhánh Sóc Trăng | Ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng |
| 13 | Chi nhánh Đồng Tháp | Số 154 Lê Duẩn, phường Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp |
| 14 | Chi nhánh Đồng Nai | 40, khu 6 ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa, H. Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai |
| 15 | Chi nhánh Sơn La | Tiểu khu 3, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La |
| 16 | Văn Phòng Bình Dương | 5/2 Ấp 1B Xã An Phú, Huyện Thuận An, Bình Dương |

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng (không sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói tại trụ sở);
- Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác;
- Mua bán: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng. Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Bán buôn phân bón;
- Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, các công trình xây dựng. Dịch vụ chống mối mọt. Dịch vụ trừ mối cho các công trình xây dựng - đề đập - khách sạn - nhà hàng;
- Cho thuê văn phòng. Cho thuê kho bãi;
- Giám định hàng hóa: số lượng, chất lượng, quy cách, bao bì, giá trị hàng hóa, tổn thất, an toàn, vệ sinh và các yêu cầu giám định khác. Giám sát thi công và lắp đặt máy móc thiết bị. Tư vấn đầu tư;
- Nhân và chăm sóc giống cây nông nghiệp;
- Bán buôn bắp giống và các loại hạt ngũ cốc khác (trừ lúa, gạo) (thực hiện theo Quyết định 10/2007/QĐ-BTM).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/10 năm trước và kết thúc vào ngày 30/09 năm sau.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.



2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, thời gian ước tính như sau:

- Nhà, vật kiến trúc	06 - 22	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 08	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 08	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Phần mềm máy tính	02	năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	Theo thời hạn giao đất	

2.8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

2.9. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13. Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

2011
CH
CÁCH
DỊCH
AI C
VỊ

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

06-C.2
Y
ƯU HẠN
(VĂN
Ế TOÁN
TOÁN
NỘI)
HỒ CHÍ

2.18. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

2.19. Phân phối lợi nhuận

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam, lợi nhuận sau thuế của Công ty thuộc sở hữu của cổ đông được phân phối như sau:

- Trích quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ;
- Trích quỹ dự phòng tài chính ít nhất bằng 10% lợi nhuận sau thuế để dự trữ tài chính cho năm sau cho đến khi bằng 25% vốn điều lệ;
- Quỹ đầu tư phát triển ít nhất bằng 20% lợi nhuận sau thuế;
- Quỹ khen thưởng phúc lợi bằng 20% lợi nhuận sau thuế.

Hàng năm, Hội đồng quản trị xây dựng phương án phân phối lợi nhuận để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường.

2.20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

2.21. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2012	01/10/2011
	VND	VND
Tiền mặt	6.616.164.697	7.332.784.767
Tiền gửi ngân hàng	79.639.308.769	28.918.832.972
Tiền đang chuyển	390.000.000	208.000.000
Các khoản tương đương tiền	-	4.000.000.000
	86.645.473.466	40.459.617.739

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/09/2012	01/10/2011
	VND	VND
Thuế TNCN nộp hộ CBCNV	1.860.051.739	921.458.076
Bảo hiểm XH phải thu CBCNV	424.489.721	635.223.725
Chi ứng hộ Công ty TNHH Hải Yến	-	393.576.000
Phải thu Công ty Syngenta về chiết khấu mua hàng	14.908.270.524	-
Phải thu về tiền tạm ứng liên quan đến thành lập văn phòng PhnomPenh	687.285.716	-
Phải thu khác	504.489.782	77.169.643
	18.384.587.482	2.027.427.444

5. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2012	01/10/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	6.792.612.216	20.477.187.060
Nguyên liệu, vật liệu	137.783.816.674	119.165.142.825
Công cụ, dụng cụ	3.640.775.425	3.370.088.300
Chi phí SXKD dở dang	52.947.579	243.754.351
Thành phẩm	80.158.117.244	54.498.691.569
Hàng hóa	135.392.381.520	52.384.936.340
Hàng gửi đi bán	2.598.187.598	687.861.723
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.547.913.754)	(431.608.604)
	364.870.924.502	250.396.053.564

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2012	01/10/2011
	VND	VND
Tiền thuê VP, thuê kho chờ phân bổ	630.762.057	534.806.061
Giá trị CCDC xuất dùng chờ phân bổ	818.386.588	46.174.904
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	341.168.048	235.023.614
Chi phí khác	326.190.192	251.825.251
	2.116.506.885	1.067.829.830

7. TÀI SẢN NGÂN HẠN KHÁC

	30/09/2012	01/10/2011
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý		
Tạm ứng	158.492.595	28.490.520
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.672.856.940	5.280.946.934
	254.966.151	153.338.949
	5.086.315.686	5.462.776.403

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	18.707.850.911	9.121.628.549	50.237.650.098	6.291.469.959	84.358.599.517
Tăng trong năm	1.000.000.000	1.873.440.502	14.434.680.567	3.736.678.118	21.044.799.187
- Mua sắm	1.000.000.000	1.873.440.502	14.434.680.567	3.736.678.118	21.044.799.187
Giảm trong năm (*)	-	(20.522.572)	(773.844.471)	(248.023.929)	(1.042.390.972)
- Chuyển sang CCDC	-	-	-	(10.657.143)	(10.657.143)
- TL, nhượng bán	-	(20.522.572)	(773.844.471)	(237.366.786)	(1.031.733.829)
Số cuối năm	19.707.850.911	10.974.546.479	63.898.486.194	9.780.124.148	104.361.007.732
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm	11.367.648.558	6.264.594.220	20.424.007.903	3.517.080.948	41.573.331.629
Tăng trong năm	907.502.136	1.124.238.083	7.889.464.924	1.513.462.217	11.434.667.360
- Trích khấu hao	907.502.136	1.124.238.083	7.889.464.924	1.513.462.217	11.434.667.360
Giảm trong năm (*)	-	(20.318.220)	(773.844.471)	(239.081.141)	(1.033.243.832)
- TL, nhượng bán	-	(20.318.220)	(773.844.471)	(224.042.976)	(1.018.205.667)
- Giảm khác	-	-	-	(15.038.165)	(15.038.165)
Số cuối năm	12.275.150.694	7.368.514.083	27.539.628.356	4.791.462.024	51.974.755.157
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	7.340.202.353	2.857.034.329	29.813.642.195	2.774.389.011	42.785.267.888
Số cuối năm	7.432.700.217	3.606.032.396	36.358.857.838	4.988.662.124	52.386.252.575

(*) Ghi chú: Số giảm được trình bày là số âm và ghi trong ngoặc đơn

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

25.966.073.500

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	19.145.945.539	-	-	332.850.000	19.478.795.539
Tăng trong năm	2.232.000.000	-	-	-	2.232.000.000
- Mua sắm	2.232.000.000	-	-	-	2.232.000.000
Giảm trong năm (*)	(4.950.000.000)	-	-	-	(4.950.000.000)
- Bàn giao cho địa phương	(4.950.000.000)	-	-	-	(4.950.000.000)
Số cuối năm	16.427.945.539	-	-	332.850.000	16.760.795.539
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm	1.531.709.169	-	-	103.520.312	1.635.229.481
Tăng trong năm	265.382.696	-	-	166.425.000	431.807.696
- Trích khấu hao	265.382.696	-	-	166.425.000	431.807.696
Giảm trong năm (*)	-	-	-	-	-
Số cuối năm	1.797.091.865	-	-	269.945.312	2.067.037.177
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	17.614.236.370	-	-	229.329.688	17.843.566.058
Số cuối năm	14.630.853.674	-	-	62.904.688	14.693.758.362

(*) Ghi chú: Số giảm được trình bày là số âm và ghi trong ngoặc đơn

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/09/2012	01/10/2011
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.294.582.065	1.243.909.338
Trong đó:		
Trụ sở làm việc Chi nhánh Kiên Giang	252.363.545	201.690.818
Dự án ở Vườn quốc gia Ba Vì	69.580.000	69.580.000
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Hà Nội	972.638.520	972.638.520
Mua sắm tài sản	5.284.574.804	856.985.195
Phần mềm AccNet 9 ERP	5.284.574.804	856.985.195
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
	6.579.156.869	2.100.894.533

11 - BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà, vật kiến trúc	Cơ sở hạ tầng	Khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	7.619.891.500	34.740.387.261	-	-	42.360.278.761
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	7.619.891.500	34.740.387.261	-	-	42.360.278.761
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm	-	5.292.483.223	-	-	5.292.483.223
Tăng trong năm	-	1.687.239.712	-	-	1.687.239.712
- Trích khấu hao	-	1.687.239.712	-	-	1.687.239.712
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	6.979.722.935	-	-	6.979.722.935
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	7.619.891.500	29.447.904.038	-	-	37.067.795.538
Số cuối năm	7.619.891.500	27.760.664.326	-	-	35.380.555.826

12 - ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào Công ty TNHH MTV Trọng Tín -L.A

Thông tin bổ sung về các công ty con

	Tỷ lệ lợi ích 30/09/2012	Q.biểu quyết 30/09/2012	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Trọng Tín -L.A	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh nông dược

13 - ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	30/09/2012 Số lượng CP	01/10/2011 Số lượng CP	30/09/2012 VND	01/10/2011 VND
Công ty TNHH Hải Yến			179.514.814.098	179.514.814.098
CTCP TM Nông nghiệp Sông Mê Kông	1.379.000	1.379.000	13.790.000.000	13.790.000.000
CT Cổ phần Giám định Lửa Việt (1)		83.000	-	863.823.695
			193.304.814.098	194.168.637.793

(1) Chuyển nhượng cổ phần trong năm

Thông tin bổ sung về các công ty liên kết, liên doanh

	Tỷ lệ lợi ích 30/09/2012	Q.biểu quyết 30/09/2012	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Hải Yến	(*)	(*)	Dịch vụ khách sạn, nhà hàng
CTCP TM Nông nghiệp Sông Mê Kông	40,00%	40,00%	Thương mại nông nghiệp

(*) Ghi chú:

Công ty TNHH Hải Yến hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702000784 đăng ký lần đầu ngày 13/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 12/09/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, vốn điều lệ là 60.000.000.000 đồng.

Biên bản cuộc họp Hội đồng thành viên lần 13 của Công ty TNHH Hải Yến điều chỉnh tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (tên cũ là Công ty Khử trùng và Giám định) là 66,67% và Công ty XNK Tổng hợp III (nay sáp nhập vào Công ty Thực phẩm và Đầu tư Công nghệ) là 33,33%.

Công ty CP Khử trùng Việt Nam đã chuyển vốn đầu tư vào Công ty TNHH Hải Yến đến nay là 176.500.000.000 đồng.

Chi phí khác liên quan đến khoản đầu tư là 3.014.814.098 đồng.

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/09/2012	01/10/2011	30/09/2012	01/10/2011
	Số lượng CP	Số lượng CP	VND	VND
Cổ phiếu CTCP Nông dược HAI (*)	360.000	360.000	17.227.800.000	17.227.800.000
Cổ phiếu CTCP Bảo vệ thực vật Sài Gòn (*)	71.500	71.500	2.249.390.000	2.249.390.000
			19.477.190.000	19.477.190.000

(*) Các cổ phiếu đang được niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung

15. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Tên chứng khoán	Số lượng CP, CC	Giá trị theo giá thị trường	Giá trị theo sổ kế toán	Dự phòng giảm giá
Cổ phiếu Công ty CP Nông dược HAI	360.000	6.840.000.000	17.227.800.000	(10.387.800.000)
Cổ phiếu CTCP Bảo vệ thực vật SG	71.500	1.387.100.000	2.249.390.000	(862.290.000)
				(11.250.090.000)

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/09/2012	01/10/2011
	VND	VND
Giá trị còn lại của CCDC đang sử dụng	1.713.685.031	1.496.582.655
Chi phí sửa chữa lớn	269.816.724	739.154.829
Chi phí trả trước dài hạn khác	235.932.582	196.100.051
	2.219.434.337	2.431.837.535

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	30/09/2012	01/10/2011
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ	160.062.576	160.062.576
	160.062.576	160.062.576

18. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/09/2012</u>	<u>01/10/2011</u>
	VND	VND
Ký quỹ dài hạn	64.078.558	93.678.558
	64.078.558	93.678.558

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/09/2012</u>	<u>01/10/2011</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	217.163.505.454	34.737.086.129
	217.163.505.454	34.737.086.129

(*) Thông tin bổ sung

Bên cho vay và số hợp đồng	Hạn mức vay	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối năm	Phương thức đảm bảo
NHTNNH MTV HSBC VN, HẾTĐ số VNM 111650 ngày 28/10/2011	4.000.000 USD	Thả nổi có điều chỉnh	Trong vòng 6 tháng	64.722.641.842	Đảm bảo bằng hàng tồn kho
HẾTĐ 12.313001/HẾTĐH M ngày 10/4/2012	100 tỷ đồng	Thả nổi có điều chỉnh	Trong vòng 6 tháng	70.523.160.276	Không có bảo đảm
NHTNNH MTV ANZ VN, Hạn mức tiền ích ngày 06/03/2012	4.000.000 USD	Thả nổi có điều chỉnh	Trong vòng 3 tháng	81.917.703.336	Đảm bảo bằng hàng tồn kho và khoản phải thu
				217.163.505.454	

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>30/09/2012</u>	<u>01/10/2011</u>
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	2.439.005.457	2.476.405.895
Thuế xuất, nhập khẩu	331.422.884	-
Thuế TNDN	12.123.280.191	13.734.752.489
Thuế thu nhập cá nhân	2.419.402.860	1.508.585.090
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	18.900.000
Các loại thuế khác	150.429.432	-
	17.463.540.824	17.738.643.474

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

21 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/09/2012</u>	<u>01/10/2011</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí bán hàng	26.515.591.400	22.291.280.914
Lãi vay trích trước	-	920.675.021
Trích trước chi phí phải trả khác	188.389.539	-
	<u>26.703.980.939</u>	<u>23.211.955.935</u>

22 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/09/2012</u>	<u>01/10/2011</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	184.004.857	101.261.130
Bảo hiểm xã hội, BH y tế, BH thất nghiệp	179.220.088	168.389.742
Tiền mượn Công ty TNHH Hải Yến	84.000.000.000	56.000.000.000
Phải trả thù lao Hội đồng quản trị	-	1.248.264.623
Kinh phí vốn dự trữ quốc gia	-	40.000.000
Phải trả về CPH (hỗ trợ đào tạo nghề cho CBCNV)	539.523.200	539.523.200
Phải trả nguồn chương trình ESOP theo NQ ĐHĐCĐ	2.658.040.000	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.544.922.155	523.990.433
	<u>89.105.710.300</u>	<u>58.621.429.128</u>

23 . QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

	<u>30/09/2012</u>	<u>01/10/2011</u>
	VND	VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.123.167.814	3.277.862.128
Quỹ hỗ trợ CBCNV	500.000.000	313.000.000
	<u>4.623.167.814</u>	<u>3.590.862.128</u>

24 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/09/2012</u>	<u>01/10/2011</u>
	VND	VND
Phải trả tiền nhận ủy thác góp vốn vào Công ty TNHH Hải Yến	34.784.900.000	34.784.900.000
Phải trả tiền mua hàng dự trữ quốc gia	2.199.834.319	2.900.000.000
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	15.000.000	5.179.334.235
	<u>36.999.734.319</u>	<u>42.864.234.235</u>

25. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	126.827.530.000	70.731.808.592	(702.100.000)	132.897.222.841	24.396.110.000	4.729.654.678	134.802.288.687	493.682.514.798	
Tăng trong năm	2.900.000.000	-	-	18.917.359.581	7.310.772.500	4.729.339.895	86.638.202.966	120.495.674.942	
Tăng vốn	2.900.000.000	-	-	-	-	-	-	2.900.000.000	
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	86.638.202.966	
Quỹ tăng do phân phối lợi nhuận	-	-	-	18.917.359.581	7.310.772.500	4.729.339.895	-	30.957.471.976	
Giảm trong năm (*)	-	-	-	-	-	-	-	(86.329.962.630)	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	(86.329.962.630)	
Số dư cuối năm	129.727.530.000	70.731.808.592	(702.100.000)	151.814.582.422	31.706.882.500	9.458.994.573	135.110.529.023	527.848.227.110	

(*) Ghi chú: Số giảm được trình bày là số âm và ghi trong ngoặc đơn

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của các cổ đông

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Từ 01/10/2011 đến 30/09/2012
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu năm	126.827.530.000
+ Vốn góp tăng trong năm	2.900.000.000
+ Vốn góp cuối năm	129.727.530.000
- Cổ tức đã chia	
+ Cổ tức năm 2011 đã chia bằng tiền	25.345.086.000
+ Cổ tức đợt 1 năm 2012 đã chia bằng tiền	12.962.543.000

Công ty chi trả cổ tức đợt 2 năm 2011 là 10% theo Nghị quyết 05/2011/NQ-HĐQT-VFC ngày 28/09/2011, cổ tức đợt 3 năm 2011 là 10% theo Nghị quyết số 158/2012/NQ-HĐQT-VFC ngày 14/02/2012 và cổ tức đợt 1 năm 2012 theo Nghị quyết HĐQT số 04/2012/NQ-HĐQT-VFC ngày 30/07/2012 (10% mệnh giá).

d. Cổ phiếu

	30/09/2012	01/10/2011
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.972.753	12.682.753
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.972.753	12.682.753
+ Cổ phiếu phổ thông	12.972.753	12.682.753
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.962.543	12.672.543
+ Cổ phiếu phổ thông	12.962.543	12.672.543
- Số lượng cổ phiếu quỹ	10.210	10.210
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10.000	10.000

e. Phân phối lợi nhuận

	Từ 01/10/2011 đến 30/09/2012 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	134.802.288.687
Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng trong năm	86.638.202.966
Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ từ lợi nhuận năm 2011	(4.729.339.895)
Trích Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2011	(18.917.359.581)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2011	(14.188.019.686)
Trích Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận năm 2011	(7.310.772.500)
Trả cổ tức 10% năm 2011 (đợt 2)	(12.672.543.000)
Trả cổ tức 10% năm 2011 (đợt 3)	(12.672.543.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 1/2012 (10% mệnh giá)	(12.962.543.000)
Trích nguồn tài trợ cho chương trình ESOP từ lợi nhuận năm 2011	(2.658.040.000)
Thù lao Hội đồng quản trị năm 2011	(218.801.968)
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối cuối năm	135.110.529.023

26. VẬT TƯ, HÀNG HÓA NHẬN GIỮ HỘ, NHẬN GIA CÔNG

	<u>30/09/2012</u>	<u>01/10/2011</u>
	VND	VND
Hàng hóa nhận giữ hộ khách hàng	25.766.696.945	36.899.907.824
	<u>25.766.696.945</u>	<u>36.899.907.824</u>

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ 01/10/2011 đến 30/09/2012</u>	<u>Từ 01/10/2010 đến 30/09/2011</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.265.660.817.339	1.187.772.659.695
Doanh thu cung cấp dịch vụ	259.500.054.487	196.168.527.476
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư (cho thuê VP)	11.648.869.004	16.793.186.251
	<u>1.536.809.740.830</u>	<u>1.400.734.373.422</u>

28. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

	<u>Từ 01/10/2011 đến 30/09/2012</u>	<u>Từ 01/10/2010 đến 30/09/2011</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	29.158.243.378	84.306.639.054
Hàng bán bị trả lại	-	771.537.257
	<u>29.158.243.378</u>	<u>85.078.176.311</u>

29. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ 01/10/2011 đến 30/09/2012</u>	<u>Từ 01/10/2010 đến 30/09/2011</u>
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	1.236.654.801.461	1.102.700.138.384
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	259.347.826.987	196.162.872.476
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản đầu tư	11.648.869.004	16.793.186.251
	<u>1.507.651.497.452</u>	<u>1.315.656.197.111</u>

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Từ 01/10/2011 đến 30/09/2012</u>	<u>Từ 01/10/2010 đến 30/09/2011</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	888.291.962.286	823.094.180.114
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	177.421.876.273	135.667.499.834
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	5.656.262.997	4.834.807.766
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (+/-)	1.116.305.150	197.740.300
	<u>1.072.486.406.706</u>	<u>963.794.228.014</u>

31 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/10/2011 đến 30/09/2012	Từ 01/10/2010 đến 30/09/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	887.035.754	1.301.200.296
Cổ tức, lợi nhuận sau thuế được chia	812.950.000	922.000.000
Chiết khấu thanh toán	197.708.809	406.491.343
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.261.772.830	2.379.081.370
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	189.033.064	3.855.194.381
Lãi chậm thanh toán	553.028.589	-
Doanh thu tài chính khác	118.558	437.037.366
	4.901.647.604	9.301.004.756

32 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/10/2011 đến 30/09/2012	Từ 01/10/2010 đến 30/09/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	22.868.892.386	10.114.821.598
Chiết khấu thanh toán	2.293.978.239	771.567.098
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.774.098.902	12.363.808.669
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-	4.222.000.000
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn (+/-)	(149.150.000)	(120.560.000)
Chi phí tài chính khác	18.724.843	723.258.696
	28.806.544.370	28.074.896.061

33 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/10/2011 đến 30/09/2012	Từ 01/10/2010 đến 30/09/2011
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	154.545.455	245.454.545
Tài sản thừa trong kiểm kê	24.526.714	107.419.740
Thu hỗ trợ từ dự án của World Bank	1.240.344.450	-
Thu hỗ trợ từ nhà cung cấp	3.444.630.000	-
Thu nhập khác	1.279.348.124	142.551.610
	6.143.394.743	495.425.895

34 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/10/2011 đến 30/09/2012	Từ 01/10/2010 đến 30/09/2011
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	-	3.709.286
Tài sản thiếu trong kiểm kê	-	57.050.689
Xử lý vật tư mất phẩm chất	-	1.388.585.713
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	81.968.996	144.480.000
Giá trị tổn thất đầu tư xây dựng phần mềm AccNet9 ERP	557.336.097	-
Bổ sung chi phí khi mua lại hàng thuộc Quỹ dự trữ quốc gia	2.636.205.284	-
Chi phí khác	106.792.787	70.681.541
	3.382.303.164	1.664.507.229

1105
NHÀ
ĐNG
NHIỆM
VU T
HÌNH
KIỂM
TP. HÀ

35 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/10/2011 đến 30/09/2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN năm hiện hành	129.794.150.246
Điều chỉnh các khoản:	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(812.950.000)
Điều chỉnh các khoản chi phí không được trừ khi xác định TN chịu thuế	43.642.588.872
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	172.623.789.118
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo thuế suất 25%	43.155.947.280
Các khoản điều chỉnh tăng theo Biên bản Thanh tra Bộ Tài chính	
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	43.155.947.280
Điều chỉnh thuế TNDN phát sinh từ năm trước	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	43.155.947.280

36 . CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Từ 01/10/2011 đến 30/09/2012 VND
Chuyển công nợ thành giá trị góp vốn vào Công ty Công ty TNHH MTV Trọng Tín -L.A	12.292.286.660
Tặng vốn chủ sở hữu từ phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo chương trình ESOP	2.900.000.000

37 . NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

39 . THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ chủ yếu phát sinh với các bên liên quan sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Trọng Tín -L.A	Công ty con	Góp vốn đầu tư	34.792.286.660	165.000.000
Công ty Cổ phần Giám định Lửa Việt	Công ty liên kết	Rút vốn đầu tư	863.823.695	-
Công ty TNHH Hải Yến	Công ty LD	Mượn tiền	28.000.000.000	29.500.000.000

006-C
NH
TY
HỮU HA
Ư VẤN
Ế TOÁN
NỘI

Cho đến ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư (VND) (*)	
			30/09/2012	01/10/2011
Công ty TNHH Hải Yến	Công ty LD	Mượn tiền	(84.000.000.000)	(56.000.000.000)
		Chi ứng hộ	-	393.576.000

(*) Ghi chú: Giá trị khoản phải thu ghi số dương và giá trị khoản phải trả ghi số âm.

Thu nhập của Ban điều hành

Họ tên	Chức danh	Từ 01/10/2011 đến 30/09/2012 VND
Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	965.005.000
Trương Công Cừ	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	1.273.190.000
Nguyễn Minh Dũng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	1.067.784.000
Nguyễn Bảo Sơn	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	1.097.625.000
Nguyễn Ngọc Dung	Kế toán trưởng	651.277.000

40. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Tây Nguyên VND	Miền Nam VND	Cộng VND
DT thuần từ bán hàng ra bên ngoài	259.347.826.987	1.108.555.275.049	128.099.526.412	11.648.869.004	1.507.651.497.452
Khấu hao và chi phí trả trước dài hạn phân bổ	1.162.817.725	1.737.126.563	487.722.537	10.166.047.943	13.553.714.768
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.920.748.198	96.657.069.541	(2.156.582.993)	3.611.823.921	127.033.058.667
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.841.528.635	1.625.410.838	1.227.379.909	23.060.742.141	27.755.061.523
Tài sản bộ phận	53.482.829.993	60.213.443.058	34.118.751.123	962.666.378.889	1.110.481.403.063
Tổng tài sản	53.482.829.993	60.213.443.058	34.118.751.123	962.666.378.889	1.110.481.403.063
Nợ phải trả của các bộ phận	47.887.555.031	56.180.633.139	33.896.760.786	444.668.226.998	582.633.175.953
Tổng nợ phải trả	47.887.555.031	56.180.633.139	33.896.760.786	444.668.226.998	582.633.175.953

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Dịch vụ khử trùng, VND	Kinh doanh nông dược VND	Kinh doanh giống cây VND	Kinh doanh BĐS đầu tư VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	259.347.826.987	1.108.555.275.049	128.099.526.412	11.648.869.004	1.507.651.497.452
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.920.748.198	96.657.069.541	(2.156.582.993)	3.611.823.921	127.033.058.667

41. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của công ty

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ kế toán			
	30/09/2012		01/10/2011	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.645.473.466		40.459.617.739	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	303.695.947.417	(9.051.801.688)	306.053.541.807	(2.698.049.160)
Đầu tư dài hạn	19.477.190.000	(11.250.090.000)	19.477.190.000	(11.399.240.000)
	409.818.610.883	(20.301.891.688)	365.990.349.546	(14.097.289.160)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	30/09/2012 VND	01/10/2011 VND
Vay và nợ	217.163.505.454	34.737.086.129
Phải trả người bán, phải trả khác	251.644.998.748	306.160.980.760
Chi phí phải trả	26.703.980.939	23.211.955.935
	495.512.485.141	364.110.022.824

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/09/2012	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	217.163.505.454	-		217.163.505.454
Phải trả người bán, phải trả khác	216.860.098.748	34.784.900.000		251.644.998.748
Chi phí phải trả	26.703.980.939			26.703.980.939
	460.727.585.141	34.784.900.000	-	495.512.485.141
Tại ngày 01/10/2011				
Vay và nợ	34.737.086.129	-		34.737.086.129
Phải trả người bán, phải trả khác	268.476.080.760	37.684.900.000		306.160.980.760
Chi phí phải trả	23.211.955.935			23.211.955.935
	326.425.122.824	37.684.900.000	-	364.110.022.824

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

42. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

43. THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC). Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ 01/10/2011 đến 30/09/2012 được tổng hợp số liệu từ Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/09/2010 chưa được kiểm toán và Báo cáo tài chính năm 2010, Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

311
CHÍNH
CỘNG
HỘI
HỘI
HỘI
KIỂM
TP. HỒ

44. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Do có tranh chấp về tỷ lệ vốn góp giữa 2 thành viên Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam và Công ty Thực phẩm Đầu tư công nghệ (đơn vị nhận sáp nhập Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp III), Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam đã tiến hành khởi kiện tại Tòa án. Phán quyết cuối cùng của Tòa án sẽ là cơ sở để Công ty phản ánh khoản vốn góp vào Công ty TNHH Hải Yến.

- Theo Quyết định số 490/VFC-QĐ-2012 ngày 07 tháng 09 năm 2012 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam về việc ban hành Quy định về công tác quản lý kế toán của Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam có hiệu lực từ năm tài chính 2013 thì Bộ máy kế toán của Công ty sẽ được tổ chức lại. Theo đó, Bộ máy Kế toán của Công ty được tổ chức thành các đơn vị kế toán gồm có: Phòng tài chính kế toán Công ty; Các đơn vị kế toán trực thuộc hạch toán phụ thuộc như: Phòng kế toán Ngành Khử trùng & PCO, Phòng kế toán Chi nhánh, Phòng kế toán nhà máy, trạm sản xuất, trại sản xuất. Các đơn vị kế toán trực thuộc là đơn vị hạch toán độc lập.

Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Dung



Lập, ngày 08 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



Trương Công Cứ



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2013

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN BẠCH TUYẾT